



VÌ NỀN TÀI CHÍNH QUỐC GIA
MINH BẠCH, BỀN VỮNG!

KIỂM TOÁN

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Điện thoại: (024) 6282 2100 - Fax: (024) 6282 2191

Email: baokiemtoan@sav.gov.vn - Website: baokiemtoannhanuoc.vn, www.auditnews.vn

NĂM THỨ TÁM

Số **44/2019 (382)**

THỨ NĂM

NGÀY 31-10-2019

**Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ
để Kiểm toán Nhà nước
hoạt động hiệu quả hơn**



3

**Tăng cường hợp tác với
CPA Australia**



2

**Khắc phục hiệu quả những
bất cập để đưa kinh tế
bút phá**

4

**Đảm bảo tính bền vững
của ngân sách**



5

**Chỉ số Doing Business - chỉ
dấu cải thiện môi trường
kinh doanh**

10

**Tháo gỡ rào cản trong
chính sách đất đai
để nông nghiệp phát triển**

11

**Cải thiện chất lượng và
dịch vụ đưa Chỉ số tiếp
cận điện năng thăng hạng**

12

**QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DU LỊCH:
Chưa hoạt động
đã gặp khó**

14

**Báo động tình trạng
rác thải tràn lan
tại New Zealand**

15

TIẾP TỤC CHƯƠNG TRÌNH KỶ HỢP THỨ 8, QUỐC HỘI KHÓA XIV:

Quốc hội thảo luận về kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước

Bước sang tuần làm việc thứ hai của Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV, theo chương trình làm việc, Quốc hội tiếp tục tiến hành thảo luận, xem xét nhiều nội dung quan trọng (ảnh bên).

Trong đó, Quốc hội dành 2 ngày (30 - 31/10) để thảo luận tại hội trường về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và NSNN năm 2019; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán NSNN, phương án phân bổ ngân sách T.Ư năm 2020. Phiên thảo luận được truyền hình, phát thanh trực tiếp để cử tri cả nước cùng theo dõi. Đồng thời, tại phiên thảo luận, các thành viên Chính phủ sẽ phát biểu giải trình, làm rõ một số vấn đề đại biểu Quốc hội nêu.

Tham gia thảo luận sáng 30/10, các đại biểu Quốc hội cơ bản đồng tình với báo cáo đánh giá của Chính phủ về tình hình kinh tế -

(Xem tiếp trang 3)



Ảnh: TTXVN

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN

(Xem trang 6, 7, 8 và 9)



Chuyện trong tuần

Xây dựng thương hiệu quốc gia

□ TS. VŨ ĐÌNH ÁNH - Chuyên gia Kinh tế

Theo Bảng xếp hạng 100 thương hiệu quốc gia giá trị nhất thế giới năm 2018 do Brand Finance công bố, "Vietnam" được định giá 235 tỷ USD, tuy nhiên, đến 47% đóng góp đến từ khu vực

DN FDI. Trong danh sách 50 thương hiệu có giá trị nhất Việt Nam năm 2018 của Brand Finance, Viettel tiếp tục dẫn đầu với mức định giá hơn 2,8 tỷ USD, tăng 16% so với năm 2017. Còn trong Bảng xếp hạng 300 thương hiệu viễn thông giá trị nhất thế giới năm 2018 cũng của Brand Finance, Viettel đạt giá trị tới 3,17 tỷ USD, đứng thứ 47. Đứng thứ hai trong danh sách tại Việt Nam là Vinamilk có giá trị gần 1,9 tỷ USD, tăng 15% so với năm 2017. Thứ ba là thương hiệu VNPT với trị giá gần 1,34 tỷ USD, tăng 16%. Thứ tư là thương hiệu Vinhomes có trị giá 1,18 tỷ USD, tăng 10% và (Xem tiếp trang 4)

BÁO KIỂM TOÁN PHÁT HÀNH THỨ NĂM HÀNG TUẦN TRÊN CẢ NƯỚC

Theo dòng thời sự

- Chiều 28/10, tại trụ sở T.Ư Đảng, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã tiếp Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Lào Bounnhang Vorachith và Đoàn đại biểu cấp cao Đảng, Nhà nước Lào nhân dịp Đoàn sang dự Kỷ niệm 70 năm Ngày Truyền thống lực lượng Quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam tại Lào.
- Nhận lời mời của Thủ tướng Vương quốc Thái Lan Prayuth Chan-o-cha, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc và Phu nhân sẽ dẫn đầu Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam tham dự Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 35 và các hội nghị liên quan từ ngày 02 - 04/11 tại Bangkok, Thái Lan. Sau lễ bế mạc Hội nghị sẽ diễn ra Lễ Chuyển giao vai trò Chủ tịch ASEAN từ Thái Lan sang Việt Nam.
- Chiều 29/10, tại Nhà Quốc hội, Đoàn Giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về “Việc thực hiện các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên” đã họp phiên thứ nhất. Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Thường trực Quốc hội Tòng Thị Phóng - Trưởng đoàn Giám sát - chủ trì Phiên họp.■

Thu ngân sách nhà nước
10 tháng đạt 1,13 triệu tỷ đồng

Trong 10 tháng năm 2019, tiến độ thu NSNN duy trì ổn định, có 6/12 khoản thu nội địa đạt tiến độ khá so với dự toán; 3/12 khoản thu trực tiếp từ hoạt động sản xuất - kinh doanh vẫn chậm và thấp hơn mức bình quân chung.

Tổng thu NSNN từ đầu năm đến thời điểm 15/10/2019 ước đạt 1,13 triệu tỷ đồng, bằng 80,3% dự toán năm, trong đó, thu nội địa 908.100 tỷ đồng, bằng 77,4%; thu từ dầu thô 45.000 tỷ đồng, bằng 100,9%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 176.900 tỷ đồng, bằng 93,5%. Trong thu nội địa, thu từ khu vực DNNN đạt 121.500 tỷ đồng, bằng 68,4% dự toán năm; thu từ DN FDI (không kể dầu thô) 152.300 tỷ đồng, bằng 71,3%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài nhà nước 175.600 tỷ đồng, bằng 72,7%; thu thuế thu nhập cá nhân 87.300 tỷ đồng, bằng 77,1%; thu thuế bảo vệ môi trường 44.900 tỷ đồng, bằng 65,1%; thu tiền sử dụng đất 99.000 tỷ đồng, bằng 109,9%.■

HỒNG THOAN

TIN VĂN

- Ngày 31/10, Đoàn giám sát của Ủy ban Kiểm tra T.Ư đã làm việc với Ban cán sự đảng KTNN.
- Ngày 29/10, Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc đã chủ trì Cuộc họp giao ban lãnh đạo KTNN.
- Phiên họp thường kỳ quý IV/2019 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy KTNN đã diễn ra vào ngày 30/10, dưới sự chủ trì của Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước Đoàn Xuân Tiên - Chủ nhiệm Ủy ban.
- Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước Đặng Thế Vinh vừa dự Lễ Công bố và trao Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước về công tác cán bộ tại KTNN khu vực XII.
- Mới đây, Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước Vũ Văn Họa đã có buổi làm việc với KTNN khu vực X.■

LÊ HÒA

Nhân sự mới

Mới đây, Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc đã ký, ban hành Quyết định số 1699/QĐ-KTNN về việc bổ nhiệm ông Trần Doãn Phúc - Trưởng phòng, KTNN khu vực XII - giữ chức vụ Phó Kiểm toán trưởng KTNN khu vực XII. Thời hạn bổ nhiệm là 5 năm, kể từ ngày 01/11/2019.■

PHƯƠNG LAN

Tăng cường hợp tác với CPA Australia

Tiếp nối thành công từ Thỏa thuận hợp tác đã ký năm 2011, mới đây, tại Hà Nội, KTNN Việt Nam và Hiệp hội Kế toán Công chứng Australia (CPA Australia) đã ký Bản ghi nhớ hợp tác song phương cho giai đoạn tiếp theo (ảnh bên).

Tham dự Lễ Ký có Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước Nguyễn Tuấn Anh, Giám đốc Khu vực, phụ trách Phát triển kinh doanh quốc tế Mark Chau, Trưởng đại diện CPA Australia tại Việt Nam Trần Thiên Hương, Chủ tịch Ban Tư vấn CPA Australia khu vực miền Bắc Cấn Văn Lực, cùng đại diện lãnh đạo một số đơn vị trực thuộc KTNN.

Bản ghi nhớ nhằm tăng cường sự phối hợp của 2 bên trên cơ sở cùng có lợi và thiết lập vai trò, trách nhiệm tương ứng của mỗi bên trong quá trình thực hiện, góp phần tăng cường mối quan hệ chiến lược Việt Nam - Australia. Các lĩnh vực hợp tác giữa 2 bên gồm: tuyên truyền và chia sẻ thông tin phục vụ mục đích chuyên môn; đào



tạo chuyên môn và tăng cường năng lực cho công chức KTNN và hội viên, học viên CPA Australia là công chức KTNN; Chương trình Đối tác đạt chuẩn Đào tạo của CPA Australia.

Phát biểu tại Lễ Ký, Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước Nguyễn Tuấn Anh cho biết: Trải qua 25 năm phát triển, KTNN ngày càng trưởng thành, hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được giao, tạo được uy tín và sự tin cậy trong sự nghiệp xây dựng nền tài chính quốc gia minh bạch, bền vững, phục vụ hiệu

quả sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của đất nước. Thành quả này là nhờ sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động KTNN và những đóng góp của các đối tác, tổ chức quốc tế, hiệp hội chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, đặc biệt là sự đồng hành và ủng hộ của CPA Australia - một trong những hiệp hội nghề nghiệp về kế toán công chứng lớn và uy tín trên thế giới.

(Xem tiếp trang 5)

Kiểm toán Nhà nước Việt Nam tham dự Đại hội ASEANSAI lần thứ 5

Nhận lời mời của Tổng Kiểm toán Nhà nước Malaysia, Đoàn đại biểu của KTNN Việt Nam do Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước Vũ Văn Họa dẫn đầu sẽ tham dự Đại hội Tổ chức Các cơ quan Kiểm toán tối cao Đông Nam Á (ASEANSAI) lần thứ 5 được tổ chức tại Kuala Lumpur, Malaysia, từ ngày 04 - 07/11.

Tham gia Đoàn đại biểu có các ông: Đỗ Văn Tạo - Chánh văn phòng KTNN, Trần Kim Lộc - Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Đỗ Hồng Công - Tổng Biên tập Báo Kiểm toán, Nguyễn Giang Sơn - Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp KTNN; Nguyễn Đức Sỹ - Phó Kiểm toán trưởng KTNN khu vực XI.

ASEANSAI chính thức thành lập vào ngày 16/11/2011 theo Thỏa thuận thành lập ASEANSAI được ký kết tại Bali, Indonesia với sự tham dự của 10 cơ quan KTNN, bao gồm: Việt Nam, Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore và Thái Lan. Đây là sự kiện có ý nghĩa lịch sử đặc biệt quan trọng trong quan hệ hợp tác đa phương giữa các cơ quan KTNN của các nước trong khu vực Đông Nam Á. Kể từ khi thành lập vào năm 2011, ASEANSAI đã có những đóng góp hết sức tích cực trong việc tăng cường năng lực và thúc đẩy sự hợp tác và hiểu biết giữa các thành viên ASEANSAI.

Với tư cách là 1 trong 4 quốc gia

sáng lập ASEANSAI, đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch chiến lược của ASEANSAI, KTNN Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng trong việc tăng cường mối quan hệ với các cơ quan kiểm toán tối cao trong khu vực và cùng với các thành viên thực hiện các mục tiêu chung của ASEANSAI.

Tại Đại hội lần này, với vai trò là Chủ tịch Tổ chức Các cơ quan Kiểm toán tối cao châu Á (ASOSAI) nhiệm kỳ 2018-2021, đại diện KTNN Việt Nam sẽ có bài phát biểu quan trọng tại Phiên khai mạc nhằm thể hiện sự cam kết mạnh mẽ những đóng góp của KTNN Việt Nam đối với sự lớn mạnh của cả 2 tổ chức ASOSAI và ASEANSAI.■

Đ. HIẾU

Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về cải thiện chất lượng báo cáo kiểm toán

Ngày 29/10, tại Hà Nội, KTNN và Phái đoàn Liên minh châu Âu (EU) tại Việt Nam đã phối hợp tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về Cải thiện chất lượng báo cáo kiểm toán (BCKT). Hội thảo diễn ra trong khuôn khổ Dự án Hỗ trợ tăng cường năng lực cho KTNN thuộc Chương trình Hiện đại hóa tài chính công tại Việt Nam của Liên minh châu Âu (EU-PFMO).

Tham dự Hội thảo có đại diện lãnh đạo một số đơn vị trực thuộc KTNN; đại diện Phái đoàn EU tại Việt Nam; điều phối viên và chuyên gia chính Dự án EU-PFMO; các kiểm toán viên của KTNN Vương quốc Anh, KTNN Latvia và Tòa Thẩm kế Bồ Đào Nha cùng đại diện các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Đại diện KTNN Việt Nam cho biết, Dự án EU-PFMO được thiết kế nhằm

nâng cao hiệu quả quản trị tài chính công, thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình cho các cơ quan nhà nước, trong đó có KTNN Việt Nam. Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về Cải thiện chất lượng BCKT nằm trong chuỗi hoạt động chính năm 2019 của Dự án EU-PFMO. Hội thảo được thiết kế với mục tiêu tăng cường năng lực cho KTNN Việt Nam trong việc xây dựng BCKT. Đây là dịp để KTNN học hỏi kinh nghiệm quý báu của mỗi nước về cải thiện chất lượng BCKT để nghiên cứu, áp dụng phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam.

Tại Hội thảo, đại diện Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán (KTNN) đã chia sẻ về thực trạng công tác lập BCKT và đảm bảo chất lượng BCKT của KTNN Việt Nam trong thời gian qua, đồng thời đề xuất cải thiện công tác lập BCKT và nâng cao chất

lượng BCKT. Hội thảo cũng đã nghe đại biểu đến từ cơ quan KTNN các nước trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về: quá trình cải thiện chất lượng BCKT; cơ cấu, tổ chức, các nhiệm vụ chủ yếu và các mục tiêu chiến lược trong lập kế hoạch chiến lược; các giai đoạn của cuộc kiểm toán, cấu trúc BCKT đối với từng loại hình kiểm toán và công khai BCKT; tầm quan trọng của BCKT tài chính; các nội dung chính của báo cáo kế hoạch kiểm toán, báo cáo tiến độ kiểm toán giữa niên độ, báo cáo hoàn thành cuộc kiểm toán; quy trình lập BCKT...

Tiếp tục chuỗi hội thảo chia sẻ kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước, ngày 30 và 31/10, các đại biểu trao đổi, thảo luận về tăng cường công tác theo dõi sau kiểm toán và tăng cường phối hợp với các bên liên quan.■

LƯU BÍCH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC:

Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để Kiểm toán Nhà nước hoạt động hiệu quả hơn

□ N. HỒNG

Làm rõ cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán

Chia sẻ với phóng viên Báo Kiểm toán bên lề Kỳ họp, đại biểu Quốc hội, Ủy viên Thường trực Ủy ban Kinh tế của Quốc hội Đỗ Văn Sinh nêu quan điểm: Chúng ta cần thực hiện theo đúng Hiến pháp và pháp luật. Theo Hiến pháp, KTNN là cơ quan do Quốc hội thành lập và chỉ hoạt động tuân theo pháp luật; cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của KTNN do Luật định. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn những năm qua có những vấn đề gì còn vướng mắc, khó khăn thì chúng ta cần luật hóa nhằm tăng thẩm quyền của KTNN, để KTNN thực sự trở thành công cụ đắc lực trong việc tăng cường quản lý tài chính, tài sản công.

Tán thành quy định về cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán trong Dự thảo Luật, đại biểu Sinh phân tích: Tài chính, tài sản công không phải chỉ ở trong phạm vi hoạt động của các cơ quan quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công mà nó là một dòng chảy. Vì vậy, khi KTNN vào kiểm toán ở một đơn vị phải được theo dòng chảy của đồng tiền đó sang các đơn vị có liên quan thì mới đánh giá được dòng chảy đó là đúng hay không đúng. Khi kiểm toán tại một đơn vị trực tiếp, KTNN có quyền kiểm toán sang các đơn vị có liên quan và chỉ khoanh lại trong phạm vi đó, đảm bảo đúng đối tượng, phạm vi kiểm toán theo quy định. Về giải thích thuật ngữ, đại biểu Sinh đề nghị, Luật chỉ nên đưa ra nguyên tắc chung chứ không thể chỉ ra cụ thể, vì với mỗi đơn vị thì dòng chảy của đồng tiền và chuyển dịch của tài sản thuộc nhiều nhóm đối tượng khác nhau. Vì vậy, nên giao cho Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành quy chế và hướng dẫn cụ thể

Thảo luận về Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KTNN vừa qua, đa số đại biểu Quốc hội bày tỏ tán thành với các nội dung trong Dự thảo Luật. Các đại biểu đánh giá, Dự thảo Luật đã được tiếp thu, chỉnh lý nghiêm túc, thỏa đáng với nhiều nội dung quan trọng nhằm tháo gỡ, bổ sung, nâng cao vai trò của KTNN, để KTNN có đủ cơ sở pháp lý hoạt động, góp phần quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công ngày càng hiệu quả hơn.

về cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán.

Đồng tình cao với nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung trong Dự thảo Luật, đại biểu Phạm Văn Hòa (Đồng Tháp) nêu rõ: “Tôi đồng ý là không mở rộng phạm vi, đối tượng kiểm toán nhưng khi phát hiện có vấn đề thì KTNN phải có quyền “truy” đến cùng những đối tượng có liên quan. KTNN có quyền mời các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến làm việc để truy xuất nguồn gốc của những vấn đề đó, đặc biệt là vấn đề về thuế”.

Trước đó, thảo luận tại Hội trường, đa số đại biểu Quốc hội cho rằng, quy định về cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong Dự thảo Luật là cần thiết và phù hợp. Đại biểu Nguyễn Tạo (Lâm Đồng) đánh giá, quy định trong Dự thảo Luật lần này thu hẹp lại, đã đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi công tác quản lý nhà nước hiện nay và bảo đảm tính chặt chẽ, tránh cách hiểu, cách vận dụng khác nhau trong thực tiễn có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Đại biểu Nguyễn Công Nường (Bình Định) chỉ rõ: Theo báo cáo của KTNN, năm 2017 KTNN đối chiếu và phát hiện 2.322/2.487 DN ngoài quốc doanh tại 47 tỉnh, thành phố có sai phạm, tỷ lệ sai phạm chiếm 93,4%. Hầu hết các đơn vị được kiểm toán hay đối chiếu đều có sai phạm trong quản lý tài chính, tài sản công với các mức độ khác nhau. Từ thực tế này, đại biểu Nường đề nghị, với nhiệm vụ của KTNN là thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài



Tổng Kiểm toán Nhà nước giải trình một số vấn đề về Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KTNN Ảnh: TTXVN

chính, tài sản công, việc chọn các đơn vị, cơ quan kiểm toán, đối chiếu cần thống nhất với Thanh tra Chính phủ để tránh chồng chéo và dựa vào các dấu hiệu vi phạm, cần kết hợp với việc chọn mẫu theo xác suất thống kê nhằm tập trung vào lĩnh vực dễ có tham nhũng, đồng thời đưa ra đánh giá tổng thể việc sử dụng, quản lý tài chính, tài sản công làm cơ sở khoa học để kiến nghị các chính sách quản lý.

Giảm thời gian, nhân lực, tăng chất lượng kiểm toán

Tại phiên thảo luận, việc bổ sung quyền truy cập dữ liệu điện tử của đơn vị được kiểm toán, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và cơ sở dữ liệu quốc gia cũng là nội dung nhận được sự quan tâm. Đa số ý kiến cho rằng, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển mạnh mẽ, các hoạt động đều được điện tử hoá, như: hoá đơn điện tử, chứng từ

điện tử, thanh toán điện tử, dữ liệu điện tử... thì quy định KTNN có quyền truy cập dữ liệu điện tử là hết sức cần thiết. Theo đại biểu Mai Thị Ánh Tuyết (An Giang), quy định trong Dự thảo Luật là phù hợp giúp giảm nhân lực, thời gian kiểm toán trực tiếp tại đơn vị, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm toán; nhất là trong bối cảnh nợ thuế ngày càng tăng và phức tạp hơn, các hoạt động khác có liên quan đến tài sản công và tài chính công phát triển mạnh mẽ hơn.

Đại biểu Tuyết cũng cho rằng, trong quá trình truy cập điện tử của đơn vị kiểm toán, kiểm toán viên phải tuân thủ các nguyên tắc bảo mật và giới hạn phạm vi thông tin được truy cập. Do đó, Dự thảo Luật cần quy định rõ các quy tắc, trách nhiệm của KTNN và bên được kiểm toán; quy định phân cấp thẩm quyền truy cập phù hợp và phải tuân thủ quy định quản lý, giám sát rõ ràng để đảm bảo an

toàn dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm toán và tạo thuận lợi cho KTNN thực thi nhiệm vụ.

Đồng quan điểm, đại biểu Đỗ Văn Sinh cho rằng, khi tất cả các cơ quan, đơn vị đều ứng dụng công nghệ hóa, giảm bớt hồ sơ giấy, việc bổ sung quy định KTNN có quyền truy cập dữ liệu điện tử là hợp lý, tránh mất thời gian cho cơ quan kiểm toán cũng như đơn vị được kiểm toán. Hơn nữa, khi KTNN muốn truy cập vào hệ thống của đơn vị thì phải được đơn vị cấp mã nguồn và quản trị của đơn vị được kiểm toán giới hạn phạm vi truy cập. Khi tiếp cận và sử dụng dữ liệu điện tử thì trách nhiệm của KTNN cũng tương tự như đối với khi tiếp cận và sử dụng dữ liệu giấy.

Đại biểu Nguyễn Trường Giang (Đắk Nông) phân tích, việc truy cập, khai thác dữ liệu điện tử về bản chất không khác nhiều so với việc khai thác các thông tin, tài liệu được cung cấp trực tiếp bằng giấy mà chỉ khác nhau về hình thức tiếp cận. Vì vậy, Dự thảo Luật cũng như Luật KTNN hiện hành quy định khi tiếp cận tài liệu giấy, trưởng đoàn kiểm toán yêu cầu đơn vị được kiểm toán phải có trách nhiệm phối hợp và cung cấp các tài liệu này, nhưng đối với dữ liệu điện tử thì hai bên phải thống nhất với nhau, điều này là không hợp lý. Theo đại biểu Giang, đối với cơ sở dữ liệu quốc gia, Dự thảo Luật phải có một quy trình khai thác và tiếp cận một cách hợp lý hơn. Đối với dữ liệu điện tử của đơn vị được kiểm toán thì phải tính toán để tiếp cận tương tự như dữ liệu được cung cấp dưới dạng giấy.

Tại phiên thảo luận, Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc đã giải trình, làm rõ thêm một số nội dung mà các đại biểu Quốc hội quan tâm. Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc nhấn mạnh, KTNN sẽ phối hợp với cơ quan thẩm tra, tiếp thu tối đa các ý kiến của đại biểu để hoàn thiện Dự thảo Luật.

Theo chương trình Kỳ họp thứ 8, Dự thảo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KTNN sẽ được Quốc hội biểu quyết thông qua tại phiên họp ngày 26/11.■

xã hội và NSNN năm 2019; đồng thời đánh giá cao vai trò điều hành của Chính phủ, sự nỗ lực quyết tâm của cả hệ thống chính trị, của toàn Đảng, toàn dân đã đem lại những kết quả hết sức tích cực, ấn tượng và toàn diện trong phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó, dự kiến chúng ta sẽ hoàn thành toàn diện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, là năm thứ hai liên tiếp đạt và vượt toàn bộ 12 chỉ tiêu chủ yếu, trong đó 5 chỉ tiêu vượt kế hoạch; tăng trưởng kinh tế vượt mục tiêu đề ra trong khi vẫn duy trì ổn định kinh tế vĩ mô vững chắc hơn, lạm phát được kiểm soát tốt và các cân đối lớn của nền kinh tế được củng cố, mở rộng...

Bên cạnh đó, tại phiên thảo luận, các đại biểu cũng tập trung thảo luận, phân tích rõ những thách thức trong phát triển kinh tế cũng như nhiều vấn đề bất cập và đề nghị Chính

Quốc hội thảo luận...

phủ có giải pháp khắc phục hiệu quả, nhằm phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, như: tình trạng giải ngân vốn đầu tư công chậm, gây lãng phí nguồn vốn; thu NSNN chưa bền vững; công tác xây dựng, ban hành và thực hiện chính sách pháp luật còn nhiều bất cập; tình trạng vi phạm an toàn giao thông ngày càng nghiêm trọng, phức tạp; tình trạng ô nhiễm môi trường, nguồn nước...

Trước đó, ngay đầu tuần làm việc thứ 2, Quốc hội đã có phiên họp riêng để nghe Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, báo cáo về công tác

đối ngoại của Nhà nước năm 2019. Tiếp đó, các đại biểu đã thảo luận ở hội trường về một số nội dung còn có ý kiến khác nhau của Dự án Luật Dân quân tự vệ (sửa đổi) và Dự án Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

Tại phiên họp ngày 29/10, Quốc hội đã nghe Tờ trình và báo cáo thẩm tra về Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội; Dự thảo Nghị quyết về thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân tại các phường thuộc quận, thị xã của TP. Hà Nội; Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một

số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. Ngay sau đó, các đại biểu Quốc hội đã thảo luận tại tổ về các nội dung này.

Theo dự kiến chương trình Kỳ họp, trong ngày làm việc cuối cùng của tuần làm việc thứ hai, Quốc hội sẽ dành thời gian thảo luận ở hội trường đối với: Đề án Tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn; Dự thảo Nghị quyết về khoanh tiền nợ thuế, xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp NSNN; việc cho lùi thời gian thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và khai thác tài nguyên nước và việc sử dụng 20% kinh phí kết dư Quỹ Khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2015.■

Đ. KHOA

Còn không ít thách thức...

Theo Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) Vũ Tiến Lộc, trong bối cảnh khó khăn song chúng ta đã có một năm thành công: kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiềm chế dưới 3%, thất nghiệp dưới 4%, tăng trưởng ước đạt 6,8% cho cả năm, trên 130.000 DN thành lập mới, Việt Nam duy trì được tốc độ tăng trưởng cao nhất ASEAN và nằm trong nhóm các nền kinh tế tăng trưởng tốt nhất châu Á... Đây là những thành quả rất quan trọng và không dễ dàng.

Tuy nhiên, đại biểu Lộc cho rằng, mục tiêu duy trì nhịp độ tăng trưởng 6,8% năm 2020 là rất gian nan. "Trong bối cảnh kinh tế và thương mại thế giới đang giảm tốc và theo dự báo có khả năng tiến tới ngưỡng suy thoái toàn cầu thì mức tăng trưởng 6,8% của một nền kinh tế có độ mở cao, phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu và đầu tư nước ngoài như nước ta liệu có khả thi? Vì vậy, tôi đề nghị Chính phủ cần chuẩn bị phương án chủ động đề ứng phó với tình huống này" - đại biểu Lộc phát biểu.

Phân tích kỹ hơn về những thách thức, đại biểu Lộc cho rằng, ngành chế biến, chế tạo - khu vực đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng trong 9 tháng qua, đứng sau mức tăng sản lượng ấn tượng 11,37%, thì chỉ số hàng tồn kho của ngành này tại thời điểm 30/9 cũng đạt mức kỷ lục là 17,2%, cao hơn nhiều so với mức 13,8% cùng kỳ năm 2018 và 8,8% của năm 2017. Bên cạnh đó, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung khiến xuất khẩu của Việt Nam trong 9 tháng qua chỉ tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2018, bằng phân nửa tốc độ tăng của cùng kỳ năm ngoái và bằng khoảng 1/3 của mức tăng trên 20% những năm trước nữa. Cơ cấu xuất khẩu theo thị trường cũng có những chuyển dịch bất lợi; đầu tư nước

Khắc phục hiệu quả những bất cập để đưa kinh tế bứt phá

□ ĐĂNG KHOA

Sáng 30/10, tiếp tục chương trình Kỳ họp thứ 8, Quốc hội bắt đầu phiên thảo luận tại Hội trường về kinh tế - xã hội. Tại đây, các đại biểu Quốc hội đều nhấn mạnh những kết quả tích cực, đáng ghi nhận trong phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, đồng thời tập trung phân tích, chỉ ra những bất cập đòi hỏi phải có giải pháp quyết liệt, khả thi để khắc phục nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển.



Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Bình Vũ Tiến Lộc Ảnh: TTXVN

ngoài có dấu hiệu nhích lên nhưng lại giảm tốc ở 2 nguồn trọng điểm là Nhật Bản và Hàn Quốc, trong khi đó lại tăng đột biến từ các nguồn liên quan tới Trung Quốc. “Vốn đầu tư nước ngoài dịch chuyển theo hướng này phát đi một tín hiệu thiếu bền vững, thiếu cân bằng về FDI và chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới chất lượng tăng trưởng dài hạn của Việt Nam” - đại biểu nhận định.

Đại biểu Hoàng Quang Hàm (Phú Thọ) nhìn nhận, kinh tế phát triển nhanh, ổn định nhưng Việt Nam vẫn là quốc gia có thu nhập trung bình thấp. Có lúc tốc độ tăng trưởng của Việt Nam cao vào Top đầu của khu vực và thế giới, song đó là những bước ngắn, nên vẫn tụt hậu so với nhiều quốc gia khác. Tụt hậu về kinh tế, nguy

cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình là do chúng ta chưa đột phá thành công các vấn đề cốt lõi của tăng trưởng theo chiều sâu. Do đó, Chính phủ cần có mũi nhọn đột phá trọng tâm, trong đó, ba vấn đề cốt lõi cần dành nguồn lực thực hiện bằng được là trình độ lao động; phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo.

Đại biểu Tô Văn Tám (Kon Tum) cho rằng, tăng trưởng GDP vẫn dựa chủ yếu vào những ngành lao động giá rẻ mà phần lớn trong khối FDI, xuất khẩu tài nguyên và xuất khẩu nông sản. Ba nguồn này lại đang đứng trước thách thức là năng suất lao động thấp. Bởi vậy, cần phải nâng cao năng suất lao động bằng một nguồn nhân lực chất lượng tốt hơn...

Khắc phục hạn chế trong sử dụng ngân sách và giải ngân đầu tư công

Một vấn đề khác được nhiều đại biểu đề cập là tình trạng giải ngân vốn đầu tư công chậm, năm sau chậm hơn năm trước. Cụ thể, năm 2018 là năm đạt thấp nhất so với 6 năm về trước; 9 tháng năm 2019 giải ngân còn thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018, đạt 49% kế hoạch...

Đại biểu Hoàng Văn Trà (Phú Yên) đề nghị, Chính phủ phải sớm có giải pháp khả thi và quyết liệt khắc phục, khơi thông các điểm nghẽn đang kìm hãm sự phát triển. Nếu tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công tốt hơn; khai thác sử dụng các nguồn lực cho phát triển như đất đai, tài nguyên khoáng sản và tài sản công hiệu quả hơn, các công trình đầu tư từ vốn ngoài ngân sách, nhất là các dự án về hạ tầng, giao thông, được triển khai xây dựng và khai thác đúng kế hoạch thì chắc chắn kết quả thu được còn cao hơn, ấn tượng hơn.

Các đại biểu nêu thực tế, nhiều công trình thiếu vốn trong khi nhiều công trình không giải ngân hết kế hoạch vốn, cho thấy việc lập kế hoạch không sát, không theo dõi, tổng hợp sát sao để điều chỉnh vốn từ nơi thừa sang nơi thiếu; lãng phí khi vốn ODA không giải ngân được, không dùng nhưng vẫn phải trả phí cam kết. “Cải thiện công tác dự báo, công tác lập, giao kế

hoạch và linh hoạt điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư là cốt lõi để khắc phục giải ngân vốn chậm” - đại biểu Hoàng Quang Hàm nói.

Đánh giá về công tác quản lý NSNN, đại biểu Nguyễn Thanh Hải (Tiền Giang) chỉ rõ, dù ngân sách T.Ư thu vượt dự toán năm thứ hai liên tiếp nhưng vẫn thấp hơn mục tiêu đề ra; tỷ lệ thu NSNN từ thuế, phí còn thấp và cũng chưa đạt mục tiêu đề ra, cho thấy vai trò chủ đạo của việc tăng thu ngân sách T.Ư trong tổng thu NSNN chưa rõ nét; việc thu từ sản xuất kinh doanh tại các khu vực DN chưa cao, chưa thể hiện nguồn lực nội tại của nền kinh tế. Vì vậy, đại biểu đề nghị Chính phủ cần có giải pháp điều hành phù hợp nhằm phát triển mạnh mẽ hơn nữa nền kinh tế trong nước, đồng thời thể hiện được vai trò đầu tàu của ngân sách T.Ư.

Đối với chi NSNN, dẫn báo cáo của KTNN, đại biểu Hải nêu: Một số địa phương giao dự toán chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo dạy nghề thấp hơn dự toán của Chính phủ giao; một số Bộ, ngành cơ quan T.Ư giao dự toán kinh phí ngoài định mức phân bổ ngân sách chưa đúng quy định, còn có trường hợp giao dự toán kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập chưa phù hợp với mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị. Bên cạnh đó, vốn đầu tư phát triển tiếp tục giải ngân chậm, khả năng giải ngân hết nguồn vốn trong năm 2019 là khó khăn. Ngoài ra, tình trạng chuyển vốn còn lớn, tình trạng chuyển nguồn nhiều năm gây lãng phí. “Đây là một trong những vấn đề tồn tại nhiều năm qua chưa khắc phục được. Do vậy, Chính phủ cần quan tâm nghiên cứu để có giải pháp hữu hiệu hơn, kiên quyết hơn trong việc giải ngân và sử dụng nguồn vốn, tránh lãng phí nguồn lực và tiết kiệm ngân sách” - đại biểu Hải nói.■

Sabeco đứng thứ năm đạt 947 triệu USD, tăng thêm 16% so với năm 2017. Tổng cộng 5 thương hiệu đắt giá nhất Việt Nam có giá trị hơn 8,16 tỷ USD, tăng thêm 2,3 tỷ USD so với mức 5,85 tỷ USD vào năm 2017. Các thương hiệu khác trong danh sách Top 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm 2018 còn có: MobiFone, VinaPhone, Vietnam Airlines, Vietinbank và BIDV.

Ngày 09/10/2019, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam từ năm 2020 đến năm 2030 với mục tiêu trên 1.000 sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia. Kim ngạch xuất khẩu của nhóm sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam tăng cao hơn mức tăng bình quân chung, tăng giá trị Thương hiệu quốc gia Việt Nam bình quân 20%/năm và mỗi năm tăng 10% số lượng DN được vào danh sách DN có giá trị thương hiệu cao nhất của các tổ chức xếp hạng uy tín trên thế giới. Nội dung hoạt động của Chương trình gồm: bảo hộ biểu trưng và hệ thống nhận diện Thương hiệu quốc gia Việt Nam

Xây dựng...

ở trong và ngoài nước; hỗ trợ DN phát triển sản phẩm đáp ứng hệ thống tiêu chí Thương hiệu quốc gia Việt Nam; hỗ trợ DN xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu ở trong và ngoài nước,...

Chương trình Thương hiệu quốc gia đến năm 2030 là tín hiệu vui cho các DN Việt Nam song chưa đủ mà Nhà nước cần sớm có một chương trình tổng thể, đồng bộ và hữu hiệu để thúc đẩy các DN thuần Việt xây dựng và phát triển thương hiệu mạnh tầm cỡ khu vực và thế giới với giá trị thương hiệu ngày càng tăng. Theo đó, cần tập trung vào những nội dung sau:

Thứ nhất, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý liên quan đến xây dựng và phát triển thương hiệu, tiến tới xây dựng Luật Thương hiệu thay vì Thương hiệu chỉ là một nội dung trong Luật Sở hữu trí tuệ như hiện nay. Khuôn khổ pháp lý về thương hiệu cần

phù hợp với đặc trưng tài sản vô hình của thương hiệu và cam kết quốc tế về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Thứ hai, tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý nhà nước đối với thương hiệu theo hướng tập trung vào một đầu mối, tránh phân tán và quy định quyền hạn trách nhiệm rõ ràng của các tổ chức và cá nhân trong quản lý nhà nước về thương hiệu.

Thứ ba, hình thành và phát triển thị trường thương hiệu gắn với tổ chức đánh giá, định giá thương hiệu phù hợp với quy luật kinh tế thị trường, giảm thiểu can thiệp hành chính vào thị trường thương hiệu và chú trọng khuyến khích DN ngoài nhà nước phát triển thương hiệu như một trong những yếu tố quyết định biến khu vực kinh tế tư nhân trong nước trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế. Bên cạnh đó, cần đưa đầy đủ giá trị thương hiệu vào xác định giá

trị DNNN khi thực hiện cổ phần hóa, vừa bảo vệ duy trì thương hiệu đã có uy tín của nhiều DNNN, vừa đảm bảo lợi ích của Nhà nước khi thực hiện cổ phần hóa.

Thứ tư, xây dựng thể chế bảo vệ các quyền hợp pháp đối với thương hiệu và xử lý tranh chấp về thương hiệu trên cơ sở luật pháp Việt Nam và thông lệ quốc tế. Xử lý nghiêm và thích đáng các trường hợp xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương hiệu.

Thứ năm, tạo điều kiện thuận lợi nhất và có lợi nhất cho DN đăng ký thương hiệu, quảng bá thương hiệu, bảo vệ và khai thác thương hiệu cả ở trong và ngoài nước.

Thứ sáu, hỗ trợ DN trong xây dựng, quản lý, bảo vệ, phát triển và khai thác thương hiệu cả về nguồn lực tài chính, nhân lực có trình độ cao, thông tin, công nghệ, kênh và phương tiện quảng bá, ... Nghiên cứu ban hành chính sách và cơ chế thuế ưu đãi đối với những chi phí và thu nhập liên quan đến bảo vệ và phát triển thương hiệu.■

(Tiếp theo trang 1)

CÂN ĐỐI THU CHI TRONG NĂM 2020:

Đảm bảo tính bền vững của ngân sách

THUY LÊ

Dự toán thu nội địa chiếm 83,6% tổng thu cân đối ngân sách nhà nước

Theo Báo cáo công khai dự toán NSNN năm 2020 Chính phủ trình Quốc hội, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2020 sẽ khó khăn hơn năm 2019 do những rủi ro, thách thức từ sự leo thang căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn, tình hình biến đổi khí hậu, xung đột chính trị, biên giới. Do đó, phần lớn các tổ chức quốc tế đều thận trọng khi đưa ra các dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới.

Đối với trong nước, bên cạnh những thuận lợi cơ bản từ nền tảng chính trị ổn định, kinh tế vĩ mô tiếp tục được củng cố, môi trường kinh doanh được cải thiện, thì kinh tế trong nước vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn, rủi ro đan xen như: mặt trái của việc chuyển dịch dòng vốn đầu tư, hội nhập quốc tế liên quan đến xuất xứ hàng hóa, điều hành chính sách tiền tệ, cùng áp lực về cơ sở hạ tầng kinh tế, an sinh xã hội...

Trên cơ sở đánh giá khả năng thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2019, dự kiến tình hình kinh tế thế giới và trong nước năm 2020, cùng với dự báo của một số tổ chức quốc tế, Bộ Tài chính đã dự kiến dự toán thu cân đối NSNN năm 2020 là hơn 1,51 triệu tỷ đồng, tăng 3,8% so với ước thực hiện năm 2019, tăng 7,2% so với dự toán năm 2019. Tỷ lệ huy động vào NSNN khoảng 22,2% GDP, với các khoản từ thuế, phí khoảng 19,4% GDP.

Trong đó, dự toán thu nội địa là hơn 1,26 triệu tỷ đồng, chiếm 83,6% tổng thu cân đối NSNN, bao gồm: thu tiền sử dụng đất 95.900 tỷ đồng; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết 31.700 tỷ đồng; thu nội địa từ thuế, phí là hơn 1 triệu tỷ đồng,

Năm 2020 là năm cuối của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, có ý nghĩa quyết định trong việc thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020. Vì vậy, ngành tài chính đặt mục tiêu phấn đấu thực hiện đến mức cao nhất các mục tiêu tài chính giai đoạn 2016-2020. Đồng thời, tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, tăng cường kỷ cương, kỷ luật ngân sách, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh.



DỰ TOÁN THU NỘI ĐỊA CHIẾM 83,6% TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN TRONG NĂM 2019
Ảnh: TTXVN

Tại Báo cáo công khai dự toán NSNN năm 2020 Chính phủ trình Quốc hội, Bộ Tài chính cũng đã dự kiến trong giai đoạn 2020-2022 phấn đấu thu NSNN đạt 4,9 triệu tỷ đồng. Trong đó, tỷ trọng thu nội địa đến năm 2022 dự kiến khoảng 84 - 85%. Về chi NSNN trong 3 năm, dự kiến khoảng 5,7 triệu tỷ đồng, phấn đấu tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, đồng thời đảm bảo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2021-2022 theo chủ trương đã đề ra. Với dự kiến thu và chi NSNN nêu trên, bội chi NSNN năm 2020 khoảng 3,44% GDP, năm 2021 và năm 2022 khoảng 3,5% GDP.■

tăng khoảng 12,5% so với ước thực hiện năm 2019 (đã loại trừ một số nguồn thu lớn đã đi vào ổn định, khó có mức tăng trưởng cao).

Dự toán thu đầu thô là 35.200 tỷ đồng, giảm 11.600 tỷ đồng (-25%) so với ước thực hiện năm 2019; trên cơ sở sản lượng khai thác trong nước là 9,02 triệu tấn, giá dự toán 60 USD/thùng. Đối với hoạt động xuất nhập khẩu, dự toán thu là 208.000 tỷ đồng, giảm 3.000 tỷ đồng (-1,4%) so với ước thực hiện năm 2019, chiếm 13,8% tổng thu cân đối NSNN và giảm

đần qua các năm. Dự toán thu viện trợ là 5.000 tỷ đồng.

Đẩy mạnh chi đầu tư phát triển

Cùng với dự toán thu, Bộ Tài chính dự kiến dự toán chi cân đối NSNN năm 2020 là 1,74 triệu tỷ đồng, tăng 7% so với dự toán năm 2019, bằng 25,7% GDP. Trong đó, dự toán chi đầu tư phát triển là 470.600 tỷ đồng, tăng 9,6% so dự toán năm 2019, chiếm 26,9% tổng chi NSNN và là năm có tỷ trọng cao nhất từ 2016 đến nay.

Dự toán chi trả nợ lãi là 118.200

USD so với cùng kỳ năm trước. Đến nay, ngành nông nghiệp có 6 nhóm/sản phẩm có giá trị xuất khẩu trên 2 tỷ USD. Trong 10 tháng qua, nhóm lâm sản vẫn duy trì sự tăng trưởng mạnh với kim ngạch xuất khẩu đạt 9,04 tỷ USD, tăng 18,8%.■

T.HUYỀN

9 tháng, SHB đạt 2.260 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế

Theo kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB), ước tính đến ngày 30/9, tổng tài sản của SHB đạt hơn 357.000 tỷ đồng, tăng 10,51% so với thời điểm đầu năm; vốn tự có đạt hơn 24.500 tỷ đồng; huy động vốn đạt 331.000 tỷ đồng, tăng 10,5% so với thời điểm đầu năm; tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 253.000 tỷ đồng.

Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ và tỷ lệ nợ xấu được duy trì ở ngưỡng an toàn theo quy định. Các tỷ lệ an toàn hoạt động của SHB luôn đạt và vượt so với tiêu chuẩn quy định của Ngân hàng Nhà nước, tỷ lệ an toàn vốn đạt 11%. Tổng lợi nhuận trước thuế 9 tháng đạt 2.260 tỷ đồng, tăng 11,31% so với cùng thời điểm năm trước, đạt 73,6% kế hoạch cả năm.■

Đ. KHOA

mới đơn vị sự nghiệp công phù hợp với tình hình thực tế.

Cùng với đó, Bộ Tài chính quyết tâm thực hiện bố trí chi trả lãi đầy đủ, đúng hạn; quản lý chặt chẽ các khoản vay, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia; bố trí chi dự phòng, dự trữ quốc gia theo quy định để đảm bảo xử lý kịp thời các nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong năm.

Nỗ lực đảm bảo tính bền vững của ngân sách

Để đạt được các chỉ tiêu cân đối ngân sách nêu trên, Bộ Tài chính đề ra nhóm giải pháp, nhiệm vụ chủ yếu như sau: tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực nhằm thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô; điều hành phối hợp chặt chẽ chính sách tiền tệ với chính sách tài khóa nhằm bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra.

Các nhóm giải pháp tiếp theo là: tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi để các DN phát triển, cạnh tranh bình đẳng, thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, tạo nguồn thu ngân sách ổn định, vững chắc; tiếp tục mục tiêu triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, phù hợp khả năng cân đối ngân sách, đảm bảo tính bền vững, gắn với chiến lược và định hướng phát triển trong từng thời kỳ.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng đề ra các giải pháp liên quan đến việc quản lý giá theo nguyên tắc thị trường, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực; tiếp tục phát triển đồng bộ, vận hành thông suốt thị trường tài chính và dịch vụ tài chính; tăng cường quản lý tài chính DN, đẩy mạnh tái cấu trúc, cổ phần hóa DNNN; đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập, giá dịch vụ công; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.■

Tăng cường hợp tác...

(Tiếp theo trang 2)

Năm 2011, KTNN Việt Nam và CPA Australia ký kết Thỏa thuận hợp tác lần đầu tiên. Theo đó, 2 bên đã hợp tác trên một số lĩnh vực và đạt được những kết quả nhất định thông qua hoạt động trao đổi các đoàn chia sẻ kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ kế toán, kiểm toán công, đào tạo cán bộ, phối hợp tổ chức hội thảo khoa học, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền. Việc ký kết Bản ghi nhớ lần này sẽ tăng cường hơn nữa mối quan hệ hợp tác hiệu quả giữa 2 bên, tiếp tục đóng góp tích cực cho sự phát triển chung trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán của Việt Nam và thế giới.

Theo ông Mark Chau, Bản ghi nhớ khẳng định những nỗ lực của CPA trong việc hỗ trợ hội viên theo học và đạt được những chứng chỉ

cao cấp; đồng thời cho thấy sự hợp tác sâu rộng với KTNN Việt Nam nhằm hỗ trợ các kiểm toán viên nhà nước nâng cao trình độ chuyên môn.

Từ năm 2011 đến nay, CPA Australia đã vinh dự kết nạp 5 lãnh đạo cấp cao của KTNN với tư cách là hội viên danh dự của Hiệp hội; tổ chức thành công 2 hội thảo về ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm toán và kiểm toán quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản; hợp tác đào tạo cho 18 cán bộ của KTNN, trong đó có 3 kiểm toán viên đã hoàn thành chương trình đào tạo và trở thành hội viên CPA Australia.

Đại diện CPA Australia hy vọng, trong thời gian tới, Hiệp hội sẽ tiếp tục phát triển quan hệ hợp tác sâu rộng và toàn diện với KTNN Việt Nam.■

THUY LÊ

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN

Sự bùng nổ của công nghệ thông tin (CNTT) với những đột phá về công nghệ số như: trí tuệ nhân tạo (AI), Internet kết nối vạn vật (IoT), phân tích dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (cloud computing) và Block chain... đã được thế giới coi là cuộc Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0. Điều này đã và đang có tác động lớn đến các quốc gia trên phạm vi toàn cầu. Những thay đổi mang tính cách mạng về khoa học và sự đột phá của công nghệ số đã đòi hỏi mỗi nước cũng như hệ thống quản lý của các ngành, lĩnh vực trong đó có KTNN phải thay đổi mạnh mẽ cơ cấu, mô hình kinh tế - xã hội, đó là: Yêu cầu đổi mới công nghệ; đẩy mạnh khoa học phân tích và quản lý, xử lý dữ liệu lớn để tạo ra tri thức mới, hỗ trợ việc đưa ra các quyết định hay yêu cầu cao hơn về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng...

Nắm bắt và nhận thức được ảnh hưởng của cuộc CMCN 4.0, đặc biệt là IoT, AI và Big Data, các SAI trên thế giới, như: Anh, Mỹ, Canada, Mexico, Scotland, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc và Thái Lan... đã tích

Kiểm toán dữ liệu lớn - đặc điểm và xu hướng

ThS. NGUYỄN HUY HOÀNG - Phó Giám đốc Trường Đào tạo và Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm toán

Năm 2016, Tổ chức quốc tế Các cơ quan Kiểm toán tối cao (INTOSAI) đã thành lập Nhóm công tác về Dữ liệu lớn với mục tiêu giúp các cơ quan kiểm toán tối cao (SAI) xác định cơ hội, thách thức cũng như nâng cao năng lực kiểm toán dữ liệu lớn. Kiểm toán dữ liệu lớn không chỉ mang lại thay đổi về kỹ thuật, mà còn là lựa chọn chiến lược cho sự phát triển của các SAI trong tương lai và trong kỷ nguyên số.



Cần nắm bắt cơ hội, xây dựng chiến lược để rút ngắn khoảng cách chênh lệch về công nghệ trong lĩnh vực kiểm toán

Ảnh: LÊ HÒA

cực triển khai ứng dụng CNTT vào hoạt động của đơn vị, tổ chức và coi CNTT như một công cụ hỗ trợ đắc lực cho sự phát triển. Bên cạnh đó, các tổ chức này cũng đang xây dựng kế

hoạch, chiến lược hoặc các chương trình/dự án cụ thể theo hướng ưu tiên đầu tư về kỹ thuật như áp dụng công nghệ số tiên tiến vào hoạt động kiểm toán nhằm giúp hoạt động này có chất

lượng cao hơn, sâu sắc hơn và toàn diện hơn.

Năm 2016, INTOSAI đã thành lập Nhóm công tác về Dữ liệu lớn với mục tiêu giúp các SAI xác định cơ hội, thách thức cũng như nâng cao năng lực kiểm toán dữ liệu lớn. Theo báo cáo của Nhóm công tác này, đặc điểm của việc kiểm toán dữ liệu lớn được miêu tả bằng 5 chữ Đ - Đa nguồn, Đa khía cạnh, Đa quan hệ, Đa kỹ thuật và Đa chế độ.

Cụ thể, đa nguồn trong kiểm toán dữ liệu lớn nghĩa là việc thu thập các dữ liệu về tài chính, về hoạt động và quản lý... được thực hiện từ nhiều đơn vị được kiểm toán và từ nguồn dữ liệu mở trên mạng internet.

Đa khía cạnh khi kiểm toán dữ liệu lớn sẽ đưa ra nhiều quan

điểm. Theo đó, việc này không chỉ phân tích cơ chế thể chế, rủi ro tiềm ẩn, hiệu quả chính sách... mà còn có thể mô tả toàn bộ quy trình thực hiện chính sách, vấn đề sử dụng quỹ và việc thực hiện quyền hạn của đơn vị được kiểm toán một cách sinh động.

Đa quan hệ ở đây được hiểu là kiểm toán dữ liệu lớn liên quan tới các phòng ban khác nhau, các lĩnh vực khác nhau, các hệ thống khác nhau, các cấp độ khác nhau và các khu vực khác nhau. Những nguồn dữ liệu này có mối quan hệ tương quan, qua đó giúp nhìn nhận tình huống thực tế tốt hơn và giải quyết vấn đề bất đối xứng thông tin.

Đa kỹ thuật khi kiểm toán dữ liệu lớn đòi hỏi quá trình thu thập, lưu trữ, quản lý dữ liệu cũng như khi tìm kiếm và phân tích dữ liệu phải sử dụng hàng loạt kỹ thuật và phương pháp mới.

Đa chế độ trong kiểm toán dữ liệu lớn được hiểu là vừa

Công nghệ thông tin (CNTT) đang ngày càng trở nên quan trọng trong việc kiểm soát và đảm bảo tính trung thực của các thông tin tài chính, lưu trữ dữ liệu, đồng thời cũng khiến cho mức độ phức tạp của hệ thống thông tin cùng khối lượng giao dịch ngày càng tăng. Điều này đã khiến cho hoạt động kiểm toán thực hiện theo phương thức thủ công không thể đảm bảo tính hiệu quả và hiệu lực. Chính sự thay đổi của CNTT là động lực đòi hỏi hoạt động kiểm toán phải có những bước phát triển, cải cách cả về quy trình và phương pháp tiếp cận.

Những ứng dụng công nghệ thông tin hữu hiệu trong hoạt động kiểm toán

Sử dụng CNTT để lập hồ sơ kiểm toán (HSKT)

HSKT đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý và đảm bảo chất lượng kiểm toán. HSKT cần được ghi chép đầy đủ, chính xác, làm cơ sở cho các phát hiện, ý kiến và đề xuất của kiểm toán viên (KTV). HSKT truyền thống có nhiều nhược điểm như: không ghi chép đầy đủ các nội dung kiểm toán cần thiết; dễ xảy ra sai sót do các KTV có thể tạo ra nhiều phiên bản khác nhau trong cùng một tài liệu dẫn đến việc cập nhật, chia sẻ các phiên bản HSKT lỗi hoặc không cập nhật; khó khăn trong việc kiểm soát quyền tiếp cận đến các HSKT...

Để giải quyết những hạn chế trên, một trong những giải pháp đối với các KTV là sử dụng các phần mềm lập HSKT chuyên nghiệp. Các phần mềm này không chỉ hỗ trợ việc lập hồ sơ mà còn quản lý công việc kiểm toán. Các biểu mẫu được tự động tham chiếu lẫn nhau và được xây dựng tương ứng với từng giai đoạn của cuộc kiểm toán, như: lập kế hoạch, thực hiện kiểm toán và kết thúc kiểm toán.

Ngoài ra, những phần mềm này còn có

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm toán tại Việt Nam

TS. HOÀNG THANH HẠNH - Học viện Tài chính

nhiều chức năng khác nhau như đánh dấu những giấy tờ làm việc chưa được hoàn thành, các giấy tờ chưa được soát xét, hoặc đánh dấu các giấy tờ cần các cấp phê duyệt khác nhau. Điều này làm tăng khả năng soát xét HSKT một cách hiệu quả. Các mẫu giấy tờ làm việc đồng thời cung cấp đầy đủ các hướng dẫn theo hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế giúp KTV dễ dàng tham khảo thông tin cho một thủ tục kiểm toán cụ thể.

Sử dụng công cụ và kỹ thuật kiểm toán có sự trợ giúp của máy tính

Các công cụ và kỹ thuật kiểm toán có sự trợ giúp của máy tính (CAATs) có thể được sử dụng để thực hiện nhiều thủ tục kiểm toán khác nhau như: thực hiện kiểm tra chi tiết nhóm giao dịch và số dư, tính lại lãi suất, hoặc lựa chọn ra các hoá đơn từ một mức giá trị nào đó trở lên từ hệ thống máy tính; thực hiện các thủ tục phân tích, để xác định các điểm không nhất quán hoặc các mức biến động lớn; thực hiện thử nghiệm kiểm toán đối với các kiểm soát chung và kiểm soát ứng dụng liên quan đến hệ thống CNTT của khách hàng; hỗ trợ chọn mẫu kiểm toán bằng cách khai thác các dữ liệu; tính toán lại sự chính xác của các dữ liệu,...

Khoảng cách lớn giữa kiểm toán trong nước và thế giới

Theo những nghiên cứu gần đây ở Việt

Nam, CNTT đang được áp dụng ở mức độ nhất định trong hoạt động kiểm toán. Hầu hết các DN kiểm toán ở Việt Nam hiện nay đều áp dụng CNTT trong việc lập và lưu trữ HSKT. Tuy nhiên, mức độ áp dụng của các công ty kiểm toán còn chưa đồng đều và có những hạn chế. Hiện chỉ có các công ty kiểm toán Big Four và một số công ty kiểm toán là thành viên của các hãng kiểm toán quốc tế đã sử dụng phần mềm kiểm toán chuyên nghiệp, trong lập hồ sơ và thực hiện các thủ tục kiểm toán. Các công ty kiểm toán còn lại và kể cả KTNN chủ yếu sử dụng các ứng dụng văn phòng như Microsoft Word và Excel để lập giấy tờ kiểm toán và sử dụng các công cụ trong Excel thực hiện các thủ tục phân tích. Vì vậy, hiệu quả công việc chưa cao, đặc biệt là khi kiểm toán các đơn vị có hệ thống CNTT phức tạp như các ngân hàng, bảo hiểm,...

Việc ứng dụng CNTT và các kỹ thuật kiểm toán có sự trợ giúp của máy tính chưa được áp dụng một cách rộng rãi, dẫn tới các hạn chế trong việc phân tích, xử lý các thông tin, giao dịch của khách hàng. Ngoài ra, mức độ hiểu biết chuyên sâu về CNTT còn hạn chế. Tại các công ty kiểm toán Big Four, bên cạnh các bộ phận kiểm toán sẽ có một bộ phận CNTT hỗ trợ riêng với các chức năng như: kiểm tra tính bảo mật và

phân quyền trong hệ thống thông tin ngân hàng, kiểm tra việc quy định và thực hiện các thủ tục kiểm soát chung và kiểm soát ứng dụng trong ngân hàng, kiểm tra lại thuật toán tính lãi để đảm bảo công thức tính trong hệ thống là đúng...

Trong khi đó, các công ty kiểm toán trong nước thường không có bộ phận kiểm toán CNTT riêng biệt. Vì vậy, khi kiểm toán những nơi có hệ thống công nghệ phức tạp, các đơn vị này sẽ phải đi thuê chuyên gia bên ngoài hoặc tự KTV dựa vào các thử nghiệm kiểm soát và thử nghiệm cơ bản thực hiện thủ công để kiểm tra tính đúng đắn của việc ghi chép giao dịch. Tuy nhiên, với quy mô giao dịch lớn và mức độ ứng dụng CNTT lớn hiện nay thì việc không sử dụng các thủ tục kiểm toán có sự trợ giúp của máy tính sẽ ảnh hưởng tới chất lượng và tính hiệu quả của cuộc kiểm toán.

Một số giải pháp thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin kiểm toán

Thứ nhất, KTNN cần đổi mới rất căn bản về quy trình kiểm toán cũng như việc vận dụng các phương pháp kiểm toán. KTNN và các công ty kiểm toán độc lập đều phải thực hiện chức năng kiểm tra, đánh giá, xác nhận mức độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính do kế toán xử lý và cung cấp. Vì vậy, sự thay đổi của quy trình, thủ tục xử lý, tổng hợp thông tin cũng như việc trình bày thông tin trên báo cáo tài chính trong bối cảnh CNTT phát triển mạnh mẽ đòi hỏi KTNN phải đổi mới rất căn bản về quy trình kiểm toán cũng như việc vận dụng các phương pháp kiểm toán.

Ngoài ra, KTNN cần nghiên cứu và vận dụng một cách hiệu quả, phù hợp các phương pháp kiểm toán, kể cả phương pháp cơ bản và phương pháp kỹ thuật trong bối cảnh tác động của cuộc CMCN

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN

kiểm toán tại hiện trường, ngoài hiện trường hoặc kết hợp cả hai. Đặc biệt, kiểm toán viên có thể sử dụng linh hoạt các phương pháp tiếp cận như: thu thập dữ liệu, kiểm toán từ xa, kiểm toán mạng lưới...

Như vậy có thể thấy rằng, kiểm toán dữ liệu lớn không chỉ là sự thay đổi về kỹ thuật, mà còn là lựa chọn chiến lược cho sự phát triển của các SAI trong tương lai và trong kỷ nguyên số. Ngoài ra, các tổ chức kiểm toán quốc tế, đứng đầu là Big Four cũng đang tích cực đầu tư vào công nghệ 4.0, thậm chí coi việc đưa Big Data và AI vào hỗ trợ các hoạt động kiểm toán như giải pháp chính trong thời kỳ chuyển đổi số. Đến nay, các công ty này đã cung cấp nhiều dịch vụ tài chính và tư vấn về đầu tư liên quan đến việc tìm kiếm các mẫu trong các tập dữ liệu rất lớn do dữ liệu này thường vượt quá sự hiểu biết của một người hoặc nhóm người, thậm chí rất phức tạp và thường không có định dạng...

Từ kinh nghiệm quốc tế nêu trên cho thấy, KTNN Việt Nam cần nắm bắt cơ hội, xây dựng chiến lược, giải pháp thiết thực để rút ngắn khoảng cách chênh lệch về công nghệ và phát triển theo hướng kiểm toán dữ liệu lớn và kiểm toán số.■
 THỦY ANH (ghi)

4.0. Đặc biệt là các phương pháp thu thập, đánh giá bằng chứng kiểm toán, các phương pháp phân tích kỹ thuật trong bối cảnh nghề kế toán sử dụng chứng từ điện tử, công nghệ Blockchain, điện toán đám mây...

Thứ hai, KTNN cần xây dựng nguồn nhân lực CNTT đủ số lượng, chất lượng, đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng hệ thống CNTT vào công tác kiểm toán CNTT; nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ công chức chuyên trách CNTT đảm bảo đủ khả năng quản lý, vận hành và phát triển hệ thống CNTT của KTNN.

Thứ ba, cần chú trọng đảm bảo an toàn trong công tác quản lý an ninh mạng. Cuộc CMCN 4.0 đã đẩy cao mức độ chia sẻ thông tin, từ đó tạo ra một nhu cầu rất lớn về an ninh mạng. Các cơ quan quản lý về kế toán, kiểm toán cần đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng trung tâm dự phòng dữ liệu; nâng cấp hệ thống an ninh, bảo mật ở mức cao, nhiều tầng, nhiều lớp, đảm bảo việc mở rộng phạm vi hoạt động được ổn định, an toàn, mang lại hiệu quả lâu dài; tham mưu, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn phát sinh khi Luật An ninh mạng có hiệu lực.

Thứ tư, cần đầu tư phát triển hạ tầng CNTT. Rủi ro mất thông tin, dữ liệu thông qua việc kết nối internet là một vấn đề quan trọng mà cơ quan quản lý và các DN quan tâm. KTNN và tất cả công ty kiểm toán đều cần sử dụng các phần mềm kiểm toán để thực hiện kiểm toán, lưu trữ và bảo mật dữ liệu kiểm toán nhằm đảm bảo an toàn thông tin cho đơn vị được kiểm toán, phòng tránh rủi ro mất an toàn thông tin.■

NGUYỄN LY (ghi)

Cách mạng công nghiệp 4.0 - cơ hội và thách thức đối với lĩnh vực kiểm toán

□ TS. NGUYỄN THÀNH PHÚC - Cục trưởng Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông

Cuộc Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0 đã và đang tác động mạnh mẽ đến hầu hết các lĩnh vực, ngành nghề, trong đó có lĩnh vực kiểm toán. Đây được coi như là một xu hướng tất yếu của quá trình phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác kiểm toán của KTNN nói riêng và Việt Nam nói chung hiện nay.

Những tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 tới lĩnh vực kiểm toán

CMCN 4.0 đã làm thay đổi cơ bản phương thức thực hiện kiểm toán hiện nay bằng việc áp dụng chứng từ điện tử, các phần mềm tổng hợp, xử lý dữ liệu kiểm toán cũng như cho phép thực hiện các phương thức kiểm toán trong môi trường tin học hóa, tiết kiệm thời gian, công sức cũng như không bị giới hạn bởi không gian, khoảng cách địa lý, tiếp cận gần hơn với hệ thống kiểm toán quốc tế.

Bên cạnh đó, các kiểm toán viên cũng có thể thu thập các thông tin mà hiện nay đang phải thu thập theo hình thức thủ công hoặc rất khó thu thập; có thể trích xuất dữ liệu từ kho dữ liệu của Ngành, phục vụ cho tất cả các loại quyết định, các cấp lãnh đạo, tất cả các loại trạm kiểm soát thông tin ra quyết định và tất cả những người có lợi ích liên quan; nâng cao độ tin cậy và hợp lý của việc báo cáo thông qua việc tự kiểm soát hoặc các hệ thống tự kiểm...

Tóm lại, CMCN 4.0 tác động đến KTNN trên bốn khía cạnh chủ chốt như sau: Phương pháp quản lý, chỉ đạo điều hành tại cơ quan KTNN; Đối tượng, phạm vi, quy mô kiểm toán; Phương thức kiểm toán với việc kiểm toán trên dữ liệu số; Các yêu cầu năng lực, kỹ năng CNTT của các kiểm toán viên.

Song hành cùng những tác động, CMCN 4.0 cũng mang đến nhiều thách thức đối với KTNN. Cụ thể: Việc đảm bảo an toàn an ninh mạng, phòng ngừa rủi ro, bảo mật và kiểm soát dữ liệu trở nên khó khăn hơn trước khi thực hiện “Chuyển đổi số”. Các giải pháp, kỹ thuật công nghệ hiện đại của CMCN 4.0 đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ cao, am hiểu và nắm vững các kỹ năng kỹ thuật số, đặc biệt đối với các kiểm toán viên trong việc khai phá, phân tích dữ liệu để có nền tảng vững chắc trong việc sử dụng các công nghệ mới. Bên cạnh đó, các công nghệ, giải pháp mới yêu cầu đầu tư nguồn lực tài chính lớn trong bối cảnh ngân sách, nợ công còn nhiều khó khăn.

Trong giai đoạn 25 năm xây dựng và phát triển, có thể thấy công tác ứng dụng CNTT khá được chú trọng trong hoạt động của KTNN, cụ thể: KTNN đã đầu tư một số hệ thống thông tin quan trọng như: Hệ thống lập kế hoạch kiểm toán, quản lý theo dõi quá trình kiểm toán, các công cụ hỗ trợ thực hiện kỹ thuật kiểm toán tại một số lĩnh vực kiểm toán chuyên ngành, tra cứu các thông tin hỗ trợ kiểm toán... Nhờ vậy, công tác kiểm toán đã có nhiều đổi mới theo hướng tích cực, hướng tới sự minh bạch, chính xác, đầy đủ.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả trên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, hiệu quả ứng dụng CNTT hiện nay chưa hoàn toàn đáp ứng được theo yêu cầu của công tác kiểm toán. Các ứng dụng nghiệp vụ còn hoạt động tương đối độc lập, chưa thống nhất về các danh mục, cơ sở dữ liệu dùng chung dẫn đến khó khăn trong việc liên thông, chia sẻ, khai thác dữ liệu; chưa xây dựng được công cụ kết nối, tích hợp với hệ thống thông tin của các Bộ, ngành, địa phương hoặc các đơn vị được kiểm toán để thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ công tác kiểm toán; chưa thực hiện chuẩn hóa, xây dựng các tiêu chuẩn về dữ liệu phục vụ kiểm toán; chưa xây dựng đầy đủ các công cụ hỗ trợ kiểm toán cho các lĩnh vực kiểm toán, đặc biệt chưa có phần mềm hỗ trợ kiểm toán lĩnh vực kiểm toán CNTT; chưa xây dựng được hệ thống quản trị dữ liệu lớn cùng các công cụ thu thập, chuẩn hóa, phân tích, dự báo đáp ứng yêu cầu quản lý, phát triển hoạt động kiểm toán theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế.

Để công nghệ thông tin trở thành thế mạnh thực sự của KTNN

Với sự phát triển vượt trội của CMCN 4.0 hiện nay, các ứng dụng kỹ thuật số chủ chốt mà KTNN có thể xem xét, nghiên cứu áp dụng trong tương lai gồm có:

Thứ nhất, Dữ liệu lớn (Big Data): Hiện nay, KTNN đang có nguồn dữ liệu khổng lồ về lĩnh vực kiểm toán nhưng hiện chưa được tổ chức, sắp xếp và khai thác hiệu quả. Bên cạnh đó, KTNN có quyền tiếp cận các báo cáo tổng hợp, chi tiết kiểm soát dữ liệu, thông tin của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và các tài nguyên số khác công bố rộng rãi trên môi trường mạng. Vì vậy, tài nguyên số của KTNN có thể xây dựng dựa trên việc kết hợp phương án tận dụng dữ liệu sẵn có và thu thập dữ liệu lớn, đồng thời, áp dụng các quy trình tự động và trí tuệ nhân tạo để tổ chức sắp xếp tự động dữ liệu thành các kho tri thức chuyên đề, phân tích dữ liệu, phục vụ công tác kiểm toán.



CMNG 4.0 đã làm thay đổi cơ bản phương thức thực hiện kiểm toán hiện nay
 Ảnh: NGỌC BÍCH

Thứ hai, Công nghệ chuỗi khối (Blockchain): Trong điều kiện lý tưởng, công nghệ chuỗi khối cho phép tạo ra cuộc kiểm toán số, tự động hoàn toàn tất cả các giao dịch tài chính, nghiệp vụ sử dụng công nghệ trên. Mức độ tự động của hoạt động kiểm toán phụ thuộc vào mức độ áp dụng công nghệ chuỗi khối vào việc quản lý các giao dịch kinh tế trong tương lai. Tuy nhiên, các kiểm toán viên trong kỷ nguyên CMCN 4.0 phải nắm vững, áp dụng các kỹ thuật kiểm toán các giao dịch công nghệ chuỗi khối và vận dụng hiệu quả trong các tình huống thực tế.

Thứ ba, Công nghệ phân tích (Analytics): Những cải tiến, thay đổi về các công nghệ, kỹ thuật phân tích đang cho phép các kiểm toán viên tập trung nỗ lực kiểm toán đến mọi đối tượng liên quan ở bất kỳ thời điểm nào dựa trên các bộ dữ liệu lớn mà các hệ thống dữ liệu kiểm toán lưu trữ. Bằng các công nghệ này, các kiểm toán viên có khả năng kiểm tra bằng chứng kiểm toán trong thời gian thực, với việc xác định kịp thời các vấn đề và nắm bắt thông tin bất thường so với hồ sơ kiểm toán chi tiết truyền thống. Các công nghệ phân tích mới sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng kiểm toán với khả năng phân loại, kiểm tra tập trung các tập dữ liệu lớn hoặc phức tạp đã được tổ chức sắp xếp theo các chuyên đề, đồng thời đưa ra dự báo, cảnh báo và phân tích nguyên nhân.

Thứ tư, Trí tuệ nhân tạo (AI): Các công nghệ trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo mang đến cho nghề kiểm toán nhiều cơ hội để cải thiện các phương pháp kiểm toán, hỗ trợ cung cấp cho các kiểm toán viên các dịch vụ tốt hơn, tiết kiệm thời gian làm việc cũng như nâng cao chất lượng, tính minh bạch trong công tác kiểm toán thông qua việc tự động hóa theo chuẩn.

Để có thể tận dụng tối đa những công nghệ trên, qua đó tăng cường chất lượng của công tác kiểm toán, đòi hỏi cơ quan KTNN phải tiếp tục đổi mới một cách toàn diện về các phương pháp, cách thức kiểm toán thông qua việc ứng dụng CNTT nâng cao tính cạnh tranh, phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế.

Trước mắt, KTNN sẽ cần nghiên cứu, giải quyết một số vấn đề như sau:

Một là, cách thức xây dựng và khai thác hiệu quả nguồn thông tin từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu bên ngoài phục vụ công tác kiểm toán. Hai là, cách thức, phương án xác định, đánh giá tính phù hợp của các bằng chứng kiểm toán số mà cơ quan KTNN thu thập được từ các hệ thống CNTT của các đối tượng được kiểm toán. Ba là, những loại bằng chứng kiểm toán mới nào có thể được tạo ra và thu thập trong CMCN 4.0 để phục vụ công tác kiểm toán? Phương án thu thập là gì? Bốn là, các tiêu chuẩn, quy trình kiểm toán có cần phải thay đổi để thích nghi với môi trường kiểm toán trong bối cảnh CMCN 4.0. Năm là, các bên liên quan cần làm gì để bảo vệ tính bảo mật và quyền riêng tư được chia sẻ, trao đổi hoặc thu thập phục vụ kiểm toán. Sáu là, khung pháp lý, các cơ chế, chính sách và các định hướng chiến lược phục vụ công tác kiểm toán trong thời đại chuyển đổi số.

Nói tóm lại, cuộc CMCN 4.0 đang mang tới nhiều cơ hội và thách thức mới cho các cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kiểm toán. Vì vậy, việc triển khai nghiên cứu, đầu tư ứng dụng CNTT vào KTNN là vô cùng cần thiết, phù hợp với Chiến lược phát triển KTNN giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn đến 2035.■
 THÙY LÊ (ghi)

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN

Một số giải pháp đẩy mạnh triển khai Chiến lược phát triển và kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin của KTNN giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn 2030

□ PHẠM THỊ THU HÀ - Giám đốc Trung tâm Tin học, KTNN

Những năm qua, xác định công nghệ thông tin (CNTT) là công cụ hỗ trợ đắc lực trong hiện đại hóa mọi mặt hoạt động, KTNN đã triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, từng bước ứng dụng CNTT trong chỉ đạo điều hành cũng như hoạt động kiểm toán. Để đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT vào hoạt động kiểm toán, KTNN cần triển khai tốt Chiến lược phát triển và kiến trúc tổng thể CNTT của KTNN giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Các nội dung chủ yếu

Giai đoạn 2019-2020: Hoàn thiện môi trường làm việc điện tử trong Ngành theo hướng tích hợp và chia sẻ dữ liệu; giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua việc ứng dụng các giải pháp văn phòng không giấy tờ, văn phòng điện tử; hoàn thành kết nối, liên thông với các phần mềm quản lý văn bản và điều hành tại các Bộ, ngành, địa phương.

Cùng với đó, hoàn thành các công cụ hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán; số hóa tài liệu thu thập được từ các đơn vị được kiểm toán và hồ sơ kiểm toán. Xây dựng hệ thống nền tảng và tích hợp, kết nối, chia



KTNN từng bước ứng dụng CNTT trong chỉ đạo điều hành cũng như hoạt động kiểm toán

sẽ thông tin với các cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin quan trọng về tài chính, đầu tư, DN; từng bước chuyển đổi sang điện toán đám mây ở mức hạ tầng; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng của KTNN.

Ngoài ra, hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động kiểm toán trong môi trường số để cho phép KTNN được khai thác dữ liệu điện tử thuộc phạm vi kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán; tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

Giai đoạn 2021-2025: Hoàn thành tích hợp, kết nối chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của các Bộ, ngành, địa phương trên diện rộng. Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu tri thức, hình thành dữ liệu lớn (Big Data), dữ liệu mở của KTNN; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ số trong hoạt động kiểm toán và chỉ đạo điều hành nội bộ. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, công cụ xử lý ngôn ngữ tự nhiên, thực hiện tự

động hóa một số nhiệm vụ kiểm toán (kiểm toán tài chính thường niên, kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN, các nhiệm vụ theo Luật quy định).

Hoàn thành điện toán đám mây KTNN ở mức hạ tầng; quy hoạch và chuyển đổi từng bước các ứng dụng sang môi trường đám mây; thiết lập hệ thống quản trị an toàn thông tin toàn diện, thống nhất. Phấn đấu đưa Trung tâm Dữ liệu của KTNN trở thành Hệ thống giám sát tài chính quốc gia.

Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực các cấp của KTNN đảm bảo đủ năng lực triển khai, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống thông tin trong quá trình chuyển đổi số; xây dựng cơ chế, chính sách đảm bảo đồng bộ, ổn định và phù hợp với yêu cầu thực tiễn về đổi mới công nghệ; từng bước hội nhập, chia sẻ dữ liệu kiểm toán số với các cơ quan kiểm toán tối cao trên thế giới, trước mắt là với Tổ chức Các cơ quan Kiểm toán tối cao châu Á (ASOSAI).

Giai đoạn 2026-2030: Hướng tới một môi trường kỹ thuật số bảo mật và tích hợp cao, cho phép KTNN triển khai các cuộc kiểm toán có chất lượng cao, gia tăng giá trị tham mưu cho Quốc

hội và Chính phủ cũng như giúp các đơn vị được kiểm toán hoạt động một cách hiệu quả. Song song với đó, chuyển đổi từ kiểm toán thủ công, trên giấy sang kiểm toán trên dữ liệu với sự hỗ trợ của các công nghệ trí tuệ nhân tạo một cách chủ động. Tăng cường hoạt động “tiền kiểm” một số lĩnh vực (dự án đầu tư trọng điểm quốc gia, các chủ trương lớn, các chương trình mục tiêu quốc gia).

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, công cụ xử lý ngôn ngữ tự nhiên, các công cụ tự động hóa và các nguồn dữ liệu mở để triển khai các cuộc kiểm toán có giá trị cải thiện chi tiêu công, mang tính dự báo, hoạch định kinh tế vĩ mô cũng như phát triển các lĩnh vực Việt Nam có thể mạnh; phát triển kỹ năng kiểm toán CNTT của kiểm toán viên; hoàn thiện hành lang pháp lý trong thời kỳ chuyển đổi sang kiểm toán số; hội nhập toàn diện, chia sẻ dữ liệu kiểm toán quốc tế trong các tổ chức: Tổ chức quốc tế Các cơ quan Kiểm toán tối cao (INTOSAI), ASOSAI và Tổ chức Các cơ quan Kiểm toán tối cao Đông Nam Á (ASEANSAI).

Đề án nghiên cứu thứ 6 của Tổ chức Các cơ quan Kiểm toán tối cao châu Á (ASOSAI) về kiểm toán công nghệ thông tin (CNTT) đã được Hội nghị Ban Điều hành ASOSAI lần thứ 31 thông qua vào tháng 10/2002 tại Manila (Philippines). Sản phẩm của Đề án này là hướng dẫn kiểm toán CNTT cho các SAI.

Áp dụng kiểm toán công nghệ thông tin trong các cuộc kiểm toán

Theo ASOSAI, kiểm toán CNTT là một phần của quy trình kiểm toán tổng thể. Kiểm toán CNTT được áp dụng trong việc thực hiện kiểm toán tài chính, kiểm toán hoạt động và kiểm toán hệ thống thông tin.

Kiểm toán tài chính: Mục đích tổng thể của bộ phận CNTT trong cuộc kiểm toán tài chính là nhằm đánh giá độ tin cậy của các công cụ kiểm soát CNTT hỗ trợ việc xử lý số sách tài chính của đơn vị.

Giai đoạn lập kế hoạch: Trong quá trình thực hiện kiểm toán CNTT lồng trong một cuộc kiểm toán tài chính, phương pháp kiểm toán được áp dụng là phương pháp dựa trên đánh giá rủi ro. Có 4 thủ tục được xây dựng nhằm thiết lập phương pháp để kết luận về tính hiệu quả và hiệu lực của công cụ kiểm soát quy trình CNTT tác động trực tiếp tới quy trình xử lý thông tin tài chính của đơn vị, đó là: Xác định phạm vi phân tích quy trình xử lý CNTT; thông tin cơ bản về môi trường CNTT của đơn vị được kiểm toán; kiểm tra

Kiểm toán công nghệ thông tin theo hướng dẫn của ASOSAI

□ TS. ĐẶNG THỊ HOÀNG LIÊN - Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán, KTNN

các quy trình xử lý CNTT có tác động trực tiếp và quan trọng tới việc xử lý thông tin tài chính; đánh giá tính hiệu lực của việc thiết kế từng quy trình xử lý CNTT chính và các công cụ kiểm soát nội bộ liên quan.

Giai đoạn thực hiện kiểm toán: Khi áp dụng phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro, kiểm toán viên (KTV) cần tập trung vào những lĩnh vực có rủi ro cao nhất đối với việc đơn vị không thể trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý. KTV CNTT cần phải nhận thức được một số lĩnh vực có rủi ro tiềm tàng trong môi trường máy tính mà đơn vị dựa vào đó để lập dữ liệu tài chính sau: Đơn vị được kiểm toán xây dựng và vận hành các ứng dụng riêng của mình hơn là thuê ngoài và sử dụng các phần mềm chuyên ngành, phần mềm tài chính; các khía cạnh liên quan đến lĩnh vực hoạt động hoặc môi trường nội bộ có thể tác động đến việc xây dựng và áp dụng các công cụ kiểm soát; người sử dụng phải có quyền truy cập các chức năng hay dữ liệu cụ thể; người sử dụng có khả năng thay đổi dữ liệu và lập các báo cáo...

Giai đoạn lập báo cáo: Thông thường, báo cáo kiểm toán thường bao gồm các hình thức sau: thư quản lý, báo cáo kiểm toán tóm tắt và báo cáo kiểm toán cuối cùng.

Kiểm toán hoạt động: Kiểm toán CNTT đóng một trong hai vai trò của kiểm toán hoạt động trên cả 2 khía cạnh: khi CNTT là nội dung chính của cuộc kiểm toán và kiểm toán CNTT là một bộ phận cấu thành trong một cuộc kiểm toán hoạt động.

Lập kế hoạch kiểm toán: Các chủ đề kiểm toán được lựa chọn trên 2 cơ sở: năng cao trách nhiệm giải trình, tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực; đảm bảo bao trùm tất cả các hoạt động trong giới hạn nguồn lực kiểm toán. Có thể lựa chọn chủ đề kiểm toán hoạt động trên cơ sở một số tiêu chí: tác động kiểm toán dự kiến; tính trọng yếu về tài chính; rủi ro đối với quản lý thiếu hiệu quả; tầm quan trọng của các chương trình, hoạt động của đơn vị... Dựa vào việc lựa chọn các chủ đề kiểm toán, KTV CNTT cần tính đến các khía cạnh quan trọng sau đây khi lập kế hoạch kiểm toán: kiến thức về đơn vị;

mục tiêu kiểm toán; phạm vi kiểm toán; xác định các tiêu chí phù hợp để hỗ trợ KTV đánh giá các vấn đề kiểm toán...

Giai đoạn thực hiện kiểm toán: KTV cần phải đánh giá các thông tin về chủ đề kiểm toán, gắn các thông tin này với việc lập kế hoạch kiểm toán và thực hiện kiểm toán tại hiện trường. Khi lập kế hoạch kiểm toán, cần phải thiết lập tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm toán để dựa vào đó đối chiếu với hoạt động thực tế của đơn vị. Các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm toán cần được trao đổi, thảo luận với đơn vị trước khi tiến hành kiểm toán.

Lập báo cáo kiểm toán: KTV cần rà soát và đánh giá kết luận đưa ra trong báo cáo có đủ bằng chứng hay không. Báo cáo kiểm toán hoạt động là khác nhau tùy thuộc vào sự khác nhau trong nhiệm vụ, phạm vi kiểm toán cũng như mức độ phức tạp của chủ đề và phát hiện kiểm toán. Nếu kiểm toán CNTT là một bộ phận của kiểm toán hoạt động, KTV phải lập một báo cáo nhỏ thuộc báo cáo kiểm toán hoạt động về việc đoàn kiểm toán hoạt động dựa vào hệ thống CNTT để xác định các khía cạnh của cuộc kiểm toán như thế nào.

Kiểm toán hệ thống thông tin: Mặc dù KTV CNTT không phải là người xây dựng, lập trình viên nhưng vẫn phải đưa ra các sự đảm bảo về: xác định và áp dụng vào hệ thống mới các công cụ kiểm soát được; các công cụ kiểm soát sử dụng để quản lý dự án và phát triển các quyết định dự án phải

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN

KTNN triển khai đồng bộ nhiều giải pháp

KTNN đã và đang kiện toàn Ban Chỉ đạo CNTT, đơn vị chuyên trách CNTT của KTNN và bộ phận chuyên trách CNTT tại các đơn vị trực thuộc; rà soát các quy định, quy chế có liên quan đến ứng dụng CNTT để xem xét, sửa đổi, ban hành tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất; tiếp cận các công nghệ, giải pháp mới tiên tiến trên thế giới như: điện toán đám mây và ảo hóa trong lưu trữ, quản lý các ứng dụng và cơ sở dữ liệu; ứng dụng dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu; xây dựng các phương pháp giám sát, đánh giá về ứng dụng CNTT phù hợp điều kiện thực tế tại các đơn vị trong Ngành.

Bên cạnh đó, KTNN cần ưu tiên bố trí đủ nguồn kinh phí phục vụ công tác triển khai các nhiệm vụ/dự án trong Chiến lược trong kế hoạch ngân sách hàng năm từ nhiều nguồn vốn: đầu tư phát triển, chi thường xuyên và nguồn 5% của KTNN, vốn tài trợ của các tổ chức; huy động nguồn lực và đầu tư của DN cho ứng dụng CNTT thông qua việc thúc đẩy, lựa chọn hình thức thuê dịch vụ CNTT đối với các dự án/nhiệm vụ trong Chiến lược; đẩy mạnh công tác xã hội hóa, hình thành cơ chế khuyến khích các DN CNTT tham gia cung cấp dịch vụ, nhân lực cho hoạt động CNTT của KTNN; xây dựng các chính sách thu hút vốn đầu tư ngoài nước và đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư.

Cùng với đó, KTNN tiếp tục phát triển nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao, kiện toàn đội ngũ chuyên trách CNTT; chú trọng đào tạo chuyên sâu về kỹ năng ứng dụng, sử dụng và khai thác có hiệu quả hệ thống CNTT; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, coi ứng dụng CNTT là khâu đột phá góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của KTNN.

Thời gian tới, KTNN sẽ chủ động phối hợp với các Bộ, ngành và hợp tác với các tổ chức trong nước, quốc tế trên cả 3 lĩnh vực: công nghệ, kinh nghiệm, tài chính. Tăng cường hợp tác, phát triển thông qua các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về CNTT với tổ chức kiểm toán khu vực (ASEANSAI, ASOSAI) và thế giới (INTOSAI) để tận dụng kho tri thức số sẵn có trên một số lĩnh vực kiểm toán như: kiểm toán môi trường, kiểm toán CNTT...■ **H.ANH (ghi)**

minh bạch; xây dựng các chuẩn mực, tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm toán...

Bài học kinh nghiệm cho KTNN Việt Nam

Thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển KTNN giai đoạn 2013-2017 và Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2020, KTNN Việt Nam đã thành lập Phòng Kiểm toán CNTT vào năm 2015. Tính đến nay, KTNN đã thực hiện được 2 cuộc kiểm toán CNTT độc lập. Kết quả kiểm toán bước đầu đã tiếp cận được dữ liệu gốc của các phần mềm trọng yếu khắc phục được hạn chế của các cuộc kiểm toán thông thường; xử lý và phân tích được các dữ liệu cực kỳ lớn; tiếp cận các rủi ro liên quan đến CNTT một cách có hệ thống... Bên cạnh đó, KTNN đang xây dựng Hướng dẫn kiểm toán CNTT và biên soạn tài liệu đào tạo về kiểm toán CNTT làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện kiểm toán CNTT một cách thống nhất.

Để kiểm toán CNTT của KTNN phát huy hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, trong thời gian tới, KTNN cần thực hiện một số giải pháp sau: Áp dụng các chuẩn mực quốc tế vào công tác kiểm toán CNTT; Coi trọng công tác khảo sát, lập kế hoạch dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu trong kiểm toán CNTT; Xây dựng và phát triển đội ngũ KTV CNTT; Đẩy mạnh triển khai các cuộc kiểm toán CNTT chuyên đề (trên cơ sở lồng ghép các loại hình kiểm toán). Ngoài ra, việc tham khảo các tài liệu hướng dẫn của Tổ chức quốc tế Các cơ quan Kiểm toán tối cao (INTOSAI), ASOSAI và học hỏi kinh nghiệm thực tiễn của các cơ quan kiểm toán tối cao có kiểm toán CNTT phát triển là rất cần thiết vì điều này sẽ cung cấp cho KTNN Việt Nam nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau khi triển khai kiểm toán CNTT.■

Thực trạng kiểm toán công nghệ thông tin của Kiểm toán Nhà nước

□ NGUYỄN THỊ THANH LOAN - KTNN chuyên ngành VII

Với định hướng phát triển công nghệ kiểm toán tiệm cận với quốc tế, phù hợp với cam kết của Tổ chức quốc tế Các cơ quan Kiểm toán tối cao (INTOSAI), những năm vừa qua, KTNN đã đẩy mạnh kiểm toán công nghệ thông tin (CNTT) ở nhiều lĩnh vực phù hợp với chiến lược phát triển kiểm toán hiện đại. CNTT giúp việc phân tích thông tin, dữ liệu của kiểm toán viên (KTV) được nhanh chóng và chính xác hơn, tạo nguồn dữ liệu lớn phục vụ cho hoạt động kiểm toán như: tập hợp được nhiều thông tin từ tổng hợp đến chi tiết liên quan đến các đầu mối kiểm toán, phân tích, khảo sát, lập kế hoạch kiểm toán, lưu trữ hồ sơ kiểm toán trong tất cả các giai đoạn của quy trình kiểm toán, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định nội dung, phạm vi, trọng tâm và trọng yếu kiểm toán, nâng cao chất lượng kiểm toán.

Những kết quả đạt được

Ngay từ năm 2015, KTNN đã xây dựng một số phần mềm công cụ ứng dụng kiểm toán áp dụng tại các cuộc kiểm toán nhiều ngân hàng lớn như: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), giúp KTV dễ dàng kiểm tra lại tính chính xác trong phân loại nợ tín dụng, xác định chi phí dự phòng rủi ro, loại bỏ rủi ro kiểm toán do sự can thiệp thủ công chỉnh sửa dữ liệu của các ngân hàng thương mại, thống nhất phương pháp và xử lý số liệu kiểm toán, áp dụng phần mềm CAATs để phân tích, xử lý dữ liệu lớn về nghiệp vụ và tài chính. Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính có lồng ghép kiểm toán CNTT của 3 đoàn kiểm toán ngân hàng thương mại đã có những phát hiện lớn, số liệu kiểm toán tăng đáng kể, tổng số kiến nghị xử lý tài chính tăng 59% so với giai đoạn trước đó.

Năm 2016, cuộc kiểm toán CNTT độc lập đầu tiên liên quan đến lập báo cáo tài chính năm 2015 của Vietcombank đã có kết quả rất lớn khi kiến nghị xử lý tài chính 394 tỷ đồng chi dự phòng rủi ro, thu hồi số lãi tiền gửi khách hàng do công thức hệ thống phần mềm sai sót với số lũy kế lên tới 516 tỷ đồng. Kết quả này thay đổi cách thức kiểm toán báo cáo tài chính truyền thống không được hỗ trợ bởi kiểm toán CNTT. Với thành công bước đầu tại Vietcombank, KTNN tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức và đẩy mạnh phát triển CNTT.

Năm 2018, KTNN tiếp tục triển khai 2 cuộc kiểm toán hệ thống CNTT liên quan đến thu NSNN ở Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan. Thông qua kiểm toán, KTNN đã đánh giá toàn diện các rủi ro trong hoạt động quản lý thuế qua ứng dụng CNTT. Tại 2 cuộc kiểm toán này, lần đầu tiên KTNN tiếp cận dữ liệu khổng lồ về thu NSNN trên toàn quốc. Kết quả kiểm toán hệ thống kiểm soát dữ liệu các chu trình nghiệp vụ quản lý thuế nội địa và thuế xuất nhập khẩu, KTNN đã phát hiện nhiều sai sót trong quản lý thuế như: xử lý thu NSNN tại Tổng cục Thuế 37,8 tỷ đồng, thu hồi số tiền phạt thuế 371 tỷ đồng; tại Tổng cục Hải quan: thu hồi phạt chậm nộp thuế và xử lý sai luồng hàng hóa hải quan hơn 700 tỷ đồng và nhiều kiến nghị sửa đổi sai sót hệ thống quản lý thuế.

Đối với cuộc kiểm toán NSNN địa phương và quyết toán NSNN, CNTT đã hỗ trợ xác định tính đúng đắn của báo cáo quyết toán, qua đó, KTNN đã chỉ ra hiện tượng vi phạm các quy định quyết toán chi tiết của đơn vị mà trước đó các cuộc kiểm toán thông thường không thực hiện được đầy đủ. Đặc biệt, kết quả kiểm toán CNTT đã phát hiện chính xác các hiện tượng vi phạm trong việc



CNTT giúp việc phân tích thông tin, dữ liệu của KTV được nhanh chóng và chính xác hơn
Ảnh: MINH THÁI

giữ lại nguồn ngân sách dự toán cấp 0 để điều hành theo quý, các nguồn ngân sách dự toán cấp 1 phân bổ không kịp thời, việc ứng trước hàng nghìn tỷ đồng NSNN cho xây dựng cơ bản ngoài kế hoạch, việc điều chuyển nhiệm vụ chi không đúng Luật NSNN với sai phạm giá trị rất lớn, phát hiện các dữ liệu quản lý sai lệch tại nhiều cơ quan ban ngành có chức năng quản lý tài sản công tại các tỉnh như: dữ liệu quản lý đất đai, các dự án lớn, lập sổ bộ thuế đất phi nông nghiệp... Từ đó, KTNN có những kiến nghị về điều hành dự toán NSNN tại địa phương và việc quản lý tài sản công liên quan đến thu NSNN.

Những khó khăn cần vượt qua

Bên cạnh những thành quả bước đầu, việc triển khai kiểm toán CNTT còn có rất nhiều khó khăn. Kiểm toán CNTT phải đảm bảo các yếu tố như: “Tài nguyên số” bao gồm hệ thống thông tin dữ liệu của các đối tượng kiểm toán phải được KTNN thu thập đầy đủ, tin cậy hàng năm; “hệ thống CNTT của KTNN” phải được chuẩn bị đầy đủ, tương thích để hình thành hệ thống ứng dụng tài nguyên số thu thập từ các đối tượng kiểm toán; “Các quy định pháp lý kiểm toán CNTT” là hệ thống các văn bản pháp lý về nguyên tắc, chuẩn mực kiểm toán CNTT như Luật KTNN, các chuẩn mực kiểm toán hiện hành của KTNN phù hợp với Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán của các cơ quan kiểm toán tối cao (ISSAI). Các yếu tố trên được thiết lập mới đảm bảo nội dung, yêu cầu về kiểm toán CNTT của KTNN.

Để thực hiện tốt loại hình kiểm toán CNTT, KTNN còn đối diện nhiều thách thức đòi hỏi phải tiếp tục triển khai, hoàn thiện hoạt động kiểm toán CNTT theo hướng tiếp cận kiểm toán CNTT theo Chuẩn mực ISSAI 5300 của INTOSAI. Đặc biệt, KTNN cần xây dựng: kiểm toán hệ thống và dự án CNTT trọng yếu; triển khai hoạt động kiểm toán CNTT tại các đoàn kiểm toán để nắm rõ hệ thống kiểm soát của đơn vị được kiểm toán có sử dụng ứng dụng CNTT cao; bổ sung và phát huy tối đa cơ sở dữ liệu của các kiểm toán chuyên ngành. Bên cạnh đó, KTNN cần hoàn thiện tài liệu hướng dẫn, đồng bộ hóa cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm toán CNTT; xây dựng hệ thống hạ tầng CNTT của KTNN đảm bảo tương thích việc thu thập, lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn cho KTNN; chú ý công tác đào tạo, bổ sung nhân sự kiểm toán CNTT có hiểu biết về CNTT và các nhân sự chủ chốt tinh thông về nghiệp vụ kiểm toán; chú trọng việc đầu tư phát triển các công cụ phần mềm hỗ trợ KTV, đồng thời đầu tư trang thiết bị công nghệ đặc thù đáp ứng yêu cầu kỹ thuật kiểm toán CNTT dữ liệu lớn.■

XUÂN HỒNG (ghi)

Cải cách đang có xu hướng chứng lại

Đặt kết quả xếp hạng Doing Business của WB trong mối tương quan với thực tiễn cải cách của Việt Nam những năm vừa qua, bà Nguyễn Minh Thảo - Trưởng Ban Môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của CIEM - nhận định, trong 2 năm gần đây, điểm số môi trường kinh doanh của Việt Nam tiếp tục được cải thiện nhưng rất chậm, thứ hạng mỗi năm bị giảm đi một bậc (vị trí 68 năm 2017; 69 năm 2018 và 70 năm 2019). Cải cách đang có xu hướng chững lại trong năm 2018-2019.

Phân tích cụ thể về kết quả xếp hạng 10 chỉ số Doing Business, bà Thảo nêu rõ, trong khi năm 2017 có tới 5 chỉ số được WB ghi nhận có cải cách thì đến năm 2018 chỉ còn 3 chỉ số được ghi nhận. Con số này tiếp tục giảm vào năm 2019 khi chỉ có 2 chỉ số được WB ghi nhận cải cách. Nhìn chung cho cả giai đoạn 2016-2019, chỉ 2 chỉ số được đánh giá có cải thiện vượt trội, gồm: Tiếp cận điện năng (tăng 69 bậc), Nộp thuế và BHXH (tăng 58 bậc). Cũng trong giai đoạn này, 3 chỉ số được đánh giá là tăng hạng bởi có những cải cách đáng kể (Tiếp cận tín dụng tăng 7 bậc, Khởi sự kinh doanh tăng 6 bậc, Nộp thuế và BHXH) và 1 chỉ số tăng hạng bởi các nước khác giảm bậc (Giải quyết phá sản DN). Trong khi đó, có tới 4 chỉ số giảm bậc, gồm: Giao dịch thương mại qua biên giới giảm 11 bậc, Bảo vệ nhà đầu tư giảm 10 bậc, Đăng ký tài sản giảm 5 bậc và Cấp phép xây dựng giảm 1 bậc. Nếu so kết quả của 10 chỉ số năm 2019 với năm 2018, có 3 chỉ số tăng hạng, 1 chỉ số duy trì thứ hạng, còn 6 chỉ số giảm bậc, trong đó có tới 4 chỉ số mà không có một cải cách nào được ghi nhận.

Điểm lại quá trình từ năm 2008 đến nay, ông Đậu Anh Tuấn - Trưởng Ban Pháp chế của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - nêu rõ, Việt Nam có 33 cải cách được ghi nhận bởi Doing Business từ năm 2008-2020 và xu hướng đang giảm dần trong 3 năm gần đây. Trong đó, những nỗ lực được ghi nhận nhiều nhất thuộc về lĩnh vực tiếp cận tín dụng, nộp thuế, thành lập DN, bảo vệ cổ đông thiểu số. Nhưng có những lĩnh vực có rất ít cải cách được ghi

Chỉ số Doing Business - chỉ dấu cải thiện môi trường kinh doanh

H.THOAN

Nhiều kiến nghị, đề xuất liên quan đến việc cải thiện môi trường kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cho DN đã được các chuyên gia đưa ra tại Hội thảo “Môi trường kinh doanh Việt Nam 2016-2019 qua xếp hạng Doing Business: Kết quả và một số gợi ý cải cách” do Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế T.Ư (CIEM) tổ chức ngày 28/10 vừa qua.



2 năm gần đây, điểm số môi trường kinh doanh của Việt Nam tiếp tục được cải thiện nhưng rất chậm

Ảnh: internet

nhận như: cấp phép xây dựng, xử lý DN mất khả năng thanh toán, thực thi hợp đồng, thậm chí có lĩnh vực không hề có cải cách nào được ghi nhận như đăng ký tài sản.

Ông Tuấn nhận định, khó khăn khi xin giấy phép kinh doanh có điều kiện có dấu hiệu giảm bớt, nhưng nhiều DN vẫn còn quan ngại về thủ tục hậu đăng ký DN. Bởi khó tiếp cận thông tin đất đai và thiếu quỹ đất sạch vẫn đang là 2 khó khăn chính đối với DN. Bên cạnh đó, mặc dù tiếp cận điện năng tốt nhưng hạ tầng giao thông còn yếu kém. DN cũng gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận vốn, tìm kiếm khách hàng... Thủ tục hành chính thuế và thủ tục hải quan đã có những cải thiện tích cực trong những năm qua, tuy nhiên, các cơ quan nhà nước

cần phải cải thiện công tác quản lý và kiểm tra chuyên ngành.

Thúc đẩy cải cách để tạo động lực cho doanh nghiệp

Soi chiếu để đánh giá về thực trạng cải cách môi trường kinh doanh của Việt Nam, TS. Nguyễn Đình Cung - nguyên Viện trưởng CIEM - nhấn mạnh, có những chỉ số của chúng ta so với chính mình thì có sự cải thiện, nhưng so với khu vực và thế giới thì vẫn rất “xấu hổ” vì chúng ta hoàn toàn có thể làm tốt hơn. Có thể thấy, chúng ta vẫn đang thiếu động lực cải cách, có sự giằng co và thiếu định hướng trong cải cách. Trong bối cảnh hiện nay, nếu không có cải cách mạnh trong lĩnh vực tư pháp thì chúng

ta không thể cải cách được, chỉ khi tư pháp và tòa án tạo được lòng tin trong DN thì chất lượng thị trường, hoạt động kinh doanh mới tốt lên, để khi thất bại trong kinh doanh thì DN có chỗ níu chân và có động lực để làm lại, tiếp tục vươn lên.

Theo bà Nguyễn Minh Thảo, môi trường kinh doanh của Việt Nam vẫn còn nhiều rào cản, điều kiện kinh doanh vẫn là trở ngại lớn với DN. Thực tế cho thấy, có xu hướng các văn bản pháp luật thể hiện sự chia phần quản lý giữa các cơ quan quản lý nhà nước; quản lý, kiểm tra chuyên ngành chậm được cải cách. Nếu không có tầm nhìn rõ ràng trong quản lý, chúng ta rất dễ rơi vào tình trạng gia tăng thêm quản lý chuyên ngành. Như vậy, DN Việt Nam rất khó để hoạt động. Cùng với đó, thanh tra, kiểm tra vẫn là nỗi lo đối với DN; chi phí không chính thức còn phổ biến; cùng một quy định chính sách nhưng cách thức thực thi khác nhau...

Nhiều chuyên gia đồng quan điểm rằng, cải cách trước hết phải từ tư duy quản lý của các Bộ, ngành, địa phương và sự vào cuộc phải đồng bộ, mạnh mẽ và thực chất mới mang lại hiệu quả. Để các chỉ số xếp hạng của Việt Nam được cải thiện trong những năm tới, lãnh đạo các Bộ, ngành liên quan cần dành sự quan tâm thỏa đáng tới các chỉ số nhiều năm không có cải thiện hoặc cải thiện chậm như: Giao dịch thương mại qua biên giới, Đăng ký tài sản... Đồng thời, rút ngắn thời gian, giảm chi phí cho DN thông qua thực thi dịch vụ công trực tuyến một cách thực chất, tránh hô hào, hình thức.

Cùng với đó, cần nghiêm túc thực hiện các giải pháp đã được Chính phủ xác định về cải cách điều kiện kinh doanh, quản lý, khả năng cạnh tranh, cũng như nhân rộng các sáng kiến cải cách và phương thức quản lý hiện đại theo thông lệ quốc tế tốt - đại diện CIEM nêu rõ.■

Lấy ý kiến đóng góp về dự toán ngân sách nhà nước

Bộ Tài chính đang tổ chức lấy ý kiến rộng rãi nhân dân về dự toán NSNN năm 2020 Chính phủ trình Quốc hội. Trong đó, tỷ lệ bội chi NSNN năm 2020 dự kiến là 3,44% GDP (tương ứng 234.800 tỷ đồng).

Trên cơ sở các báo cáo về dự toán NSNN và phân bổ ngân sách T.Ư năm 2020, Bộ Tài chính biên soạn và phát hành “Báo cáo công khai dự toán NSNN năm 2020 Chính phủ trình Quốc hội”. Báo cáo nhằm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin chủ yếu liên quan đến đánh giá của Chính phủ về tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2019 và dự kiến dự toán thu chi NSNN năm 2020 trình tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV xem xét, quyết định.■

H.NHUNG

Xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước tăng mạnh

Bộ Công Thương cho biết, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong 10 tháng của năm 2019 đạt trên 217 tỷ USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước đạt 66,63 tỷ USD, tăng 16,2%, chiếm 30,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực FDI (kể cả dầu thô) đạt 150,42 tỷ USD, tăng 3,9%, chiếm 69,3%. Có 29 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,2% tổng

kim ngạch xuất khẩu, trong đó có 5 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 59,4%. Thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất của Việt Nam là Hoa Kỳ với kim ngạch đạt 49,9 tỷ USD, tăng 26,6% so với cùng kỳ năm trước.■

QUỲNH ANH

Bộ Giao thông vận tải dừng 12 dự án BOT

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) cho biết, sau khi rà soát lại toàn bộ các dự án đã, đang và sắp triển khai theo hình thức BOT (xây dựng - kinh doanh - chuyển giao), Bộ đã dừng: 4 dự án đã ký hợp đồng và đang triển khai; 8 dự án đường bộ đã phê duyệt đề xuất, hoặc đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi. Hiện tại, Bộ chỉ đạo triển khai kêu gọi đầu tư BOT vào 8 đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017-2020. Ngoài ra, Bộ đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, nhà đầu tư điều chỉnh vị trí một số trạm thu phí có bất cập; miễn, giảm phí; chỉ đạo các nhà đầu tư công khai thông tin dự án tại trạm thu phí.■

HÒA LÊ

Ngân hàng Bản Việt đạt chuẩn Basel II trước thời hạn

Ngân hàng TMCP Bản Việt (Viet Capital Bank) vừa được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định cho phép áp dụng Thông tư số 41/2016/TT- NHNN (Thông tư 41) về tỷ lệ an toàn vốn (Basel II) trước thời hạn. Như

vậy, Viet Capital Bank là ngân hàng thứ 12 trong hệ thống chính thức áp dụng chuẩn Basel II sớm hơn thời hạn quy định.

Viet Capital Bank có trách nhiệm chuyển hoạt động chính thức từ hệ thống chính sang hệ thống dự phòng đối với hệ thống tính tỷ lệ an toàn vốn theo đúng kế hoạch để đảm bảo hệ thống có thể hoạt động liên tục trong trường hợp có thảm họa; tuân thủ quy định tại Thông tư 41 và thực hiện chế độ báo cáo thống kê về tỷ lệ an toàn vốn đối với Thông tư 41 theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước...■

N. HỒNG

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước đạt thấp

Theo Tổng cục Thống kê, tình hình thực hiện vốn đầu tư từ nguồn NSNN tháng 10 và 10 tháng năm 2019 mặc dù đã được đẩy mạnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nhưng tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch năm và tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước vẫn đạt mức thấp.

Cụ thể, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN tháng 10 ước đạt 37.000 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: vốn T.Ư 6.700 tỷ đồng, tăng 7,6%; vốn địa phương 30.300 tỷ đồng, tăng 10,5%. Tính chung 10 tháng năm 2019, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN đạt 260.400 tỷ đồng, bằng 69,2% kế hoạch năm và tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước.■

H.THOAN

Năng suất sử dụng đất thấp

Nhiều năm qua, Nhà nước đã có chủ trương tích tụ và tập trung ruộng đất nhưng kết quả thực tế đã không đạt được mục tiêu kỳ vọng. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là thị trường đất nông nghiệp chưa phát triển và chính sách đất nông nghiệp vẫn còn bất cập.

Đại diện cơ quan điều phối Liên minh Nông nghiệp, Viện trưởng Viện Nghiên cứu kinh tế và chính sách (VEPR) Nguyễn Đức Thành cho rằng, Việt Nam là một trong những quốc gia có mức bình quân ruộng đất theo đầu người thấp nhất thế giới. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp bình quân đầu người ở Việt Nam là 0,25 ha, trong khi đó, diện tích này trên thế giới là 0,52 ha và trong khu vực là 0,36 ha. Nền nông nghiệp Việt Nam phát triển chủ yếu dựa vào khoảng 10 triệu hộ nông dân cá thể với trên 76 triệu thửa và mảnh ruộng nhỏ lẻ, phân tán. Đây là một trong những trở ngại lớn nhất cho việc phát triển nền nông nghiệp hữu cơ, hiện đại và bền vững trên cơ sở hợp tác, liên kết giữa DN, đặc biệt là liên kết giữa các tập đoàn kinh tế với các hộ nông dân trong xây dựng cánh đồng lớn, vùng sản xuất tập trung công nghệ cao dưới tác động của thị trường, công nghiệp, hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu.

Có cùng nhận định còn vướng mắc trong chính sách, Viện trưởng Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp - nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) Trần Công Thắng nhìn nhận, dù quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ nhưng diện tích đất nông nghiệp vẫn còn rất lớn, nhất là đất lúa, tuy nhiên, thu nhập từ canh tác trên đất nông nghiệp vẫn thấp. Diện tích đất bình quân hiện nay ở mức thấp, việc tích tụ chưa được như kỳ vọng nên năng suất sử dụng đất cũng rất kém, chỉ khoảng 1.000 USD/ha, tương đương với Lào và chỉ bằng một

Tháo gỡ rào cản trong chính sách đất đai để nông nghiệp phát triển

□ LÊ HÒA

Chính sách đất đai, nhất là đất trong nông nghiệp rất quan trọng bởi các quy định liên quan trực tiếp tới các vấn đề an sinh xã hội, quyền lợi và việc phân phối cho người nông dân canh tác. Tuy nhiên, chính sách này đã bộc lộ nhiều bất cập và hầu như chưa được giải quyết triệt để.



Diện tích đất sản xuất nông nghiệp bình quân đầu người ở Việt Nam là 0,25 ha Ảnh: H. THÀNH

nửa Philippines, thậm chí là bằng 1/3 của Indonesia và Thái Lan. Theo ông Thắng, rào cản chính sách trong tích tụ và tập trung đất trong nông nghiệp nằm ở hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quy định tại Luật Đất đai năm 2013. Ví dụ, người có nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất lại không được nhận chuyển quyền vượt hạn mức cho phép, khiến nhiều trường hợp như bị “trói tay” bởi chính sách.

Mặt khác, bất cập còn nằm ở chỗ mức thuế và phí liên quan đến chuyển nhượng đất nông nghiệp bị áp chung như các bất động sản khác. Đặc biệt, DN tư nhân trong nước không được giao đất có thu tiền

sử dụng đất nông nghiệp mà chỉ được thuê đất để đầu tư sản xuất nông nghiệp. Hơn nữa, quyền tài sản đối với đất nông nghiệp chưa được bảo đảm như các loại đất khác.

Xóa rào cản chính sách

Theo khảo sát của TS. Bùi Hải Thiêm (Viện Nghiên cứu lập pháp của Quốc hội), chính quy định thời hạn giao đất, cho thuê đất hiện nay khiến nhà đầu tư không yên tâm đầu tư lâu dài, việc giao đất cho cá nhân và hộ gia đình không thu tiền sử dụng đất hiện nay không hiệu quả. 60% ý kiến trả lời khảo sát cho rằng, việc tổ chức kinh tế không có nhiều quyền liên quan đến

chuyển nhượng quyền sử dụng đất là một sự bất bình đẳng, chưa khuyến khích DN đầu tư vào nông nghiệp... Từ đó, ông Thiêm đề xuất, Nhà nước nên quy định chỉ sử dụng một hình thức là thuê đất; bãi bỏ quy định về thời hạn giao đất và cho thuê đất nông nghiệp; xóa bỏ sự phân biệt về quyền cho các chủ thể sử dụng đất; thay thế quyền chuyển đổi và quyền chuyển nhượng bằng quyền mua bán; công bố rộng rãi thông tin về từng thửa đất trên internet; thí điểm bãi bỏ hạn điền hoặc mở rộng hạn điền trước khi chính thức sửa Luật Đất đai...

Ở một khía cạnh khác, TS. Trần Công Thắng kiến nghị nên

bỏ hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp, quy định và giám sát chặt chẽ diện tích tối thiểu để tránh tách thửa gây manh mún ruộng đất. Đồng thời, cần giảm thuế, phí liên quan đến chuyển nhượng đất nông nghiệp để tăng cường chính thức hóa giao dịch đất nông nghiệp. Ngoài ra, một giải pháp cần đặc biệt quan tâm là có cơ chế khuyến khích DN đầu tư vào các khu, cụm hoặc trung tâm công nghiệp - dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp thông qua việc thuê đất nông nghiệp hoặc liên kết với trang trại, hợp tác xã.

Trong khi đó, nguyên Hiệu trưởng Trường Cán bộ quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn II tại TP. HCM Vũ Trọng Khải nhấn mạnh, muốn khắc phục những vấn đề đã nảy sinh và đang tồn tại của các chính sách hiện hành, cần phải dựa trên những tư duy kinh tế mới, với những khái niệm về thuật ngữ chính xác để có tư duy đúng đắn, từ đó mới có cơ sở khoa học để đánh giá, phát hiện vấn đề và nguyên nhân nhằm tìm ra giải pháp khắc phục. Cũng theo ông Khải, đối với hình thức trang trại nhà nước, hay thường gọi là nông - lâm trường quốc doanh thì hình thức khoán hộ là phù hợp. Đây thực chất là tái lập trang trại gia đình trong lòng DN, vừa phát huy được ưu thế của trang trại gia đình trong các khâu sản xuất mang tính sinh học và ưu thế của DN trong khâu dịch vụ đầu vào - đầu ra của kinh doanh nông nghiệp, vừa khắc phục được nhược điểm của trang trại gia đình có quy mô nhỏ và DN có quy mô lớn, xóa bỏ được cấp quản lý trung gian.■

Vietinbank: Thu nhập ngoài lãi tăng cao nhất trong 5 năm qua

Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) cho biết, trong 9 tháng năm 2019, thu thuần dịch vụ của Vietinbank tăng 53%, thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ tăng hơn 120% so với cùng kỳ. Đây là mức tăng cao nhất Vietinbank đạt được trong 5 năm qua và là mức tăng trưởng nổi bật so với các ngân hàng thương mại khác.

Tổng tài sản của Vietinbank tính đến hết 30/9 đạt trên 1,2 triệu tỷ đồng; dư nợ tín dụng đạt 917.000 tỷ đồng. Lợi nhuận riêng lẻ trước thuế của Vietinbank trong 9 tháng đạt gần 8.300 tỷ đồng, tăng trên 15% so với cùng kỳ và lợi nhuận hợp nhất 9 tháng trước thuế đạt gần 8.500 tỷ đồng, tăng trên 11% so với cùng kỳ...■

Đ. KHOA

Thêm 12,8 tỷ USD vốn đầu tư của hơn 3.000 dự án FDI mới

Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho biết, tính từ đầu năm đến ngày 20/10, cả nước thu hút được 3.094 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mới với số vốn đăng ký đạt 12,8 tỷ USD, tăng 25,9% về số dự án và giảm 14,6% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018.

Bên cạnh đó, có 1.145 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư so với số vốn tăng thêm đạt trên 5,4 tỷ USD, giảm 16,4% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 10 tháng năm nay đạt 18,3 tỷ USD, giảm 15,2% so với cùng kỳ năm 2018. Vốn FDI thực hiện 10 tháng ước tính đạt 16,2 tỷ USD - cao nhất trong nhiều năm

trở lại đây và tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước.■

PHÚC KHANG

10 tháng, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công vẫn hụt so với cùng kỳ

Báo cáo của Bộ Tài chính cho biết, ước thanh toán 10 tháng năm 2019, giải ngân vốn đầu tư công mới đạt gần 214.000 tỷ đồng, bằng 49,83% so với kế hoạch Quốc hội giao và 54,69% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Tỷ lệ giải ngân thấp hơn con số của cùng kỳ. Chỉ có 4 Bộ, ngành và 9 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt trên 80%. 29 Bộ, ngành, địa phương có tỷ lệ giải ngân thấp hơn mức bình quân chung (54%) của cả nước. Đáng chú ý, có đến 15 Bộ, ngành và 1 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới 40%.■

H. NHUNG

TIN VẤN

- Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết số 94/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019.
- Thủ tướng Chính phủ vừa phê duyệt Đề án: “Rà soát và hoàn thiện các chính sách về di dân, tái định cư dự án thủy lợi, thủy điện”.
- Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo toàn ngành giao thông vận tải xây dựng kế hoạch vận tải dịp cao điểm Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, Lễ hội Xuân 2020.
- Bộ Công Thương cho biết, Chương trình Khuyến công quốc gia sau 5 năm thực hiện đã hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề, nâng cao tay nghề cho hơn 18.000 lao động nông thôn.■

HÒA LÊ

Liên tục cải thiện thứ hạng trong khu vực và trên thế giới

Nếu so với 4 năm trước, Chỉ số này đã tăng tới 69 bậc (từ vị trí thứ 96 năm 2016 lên vị trí 27 của năm 2019 trên tổng số 190 quốc gia và nền kinh tế được xếp hạng).

Chỉ số tiếp cận điện năng được Doing Business của WB đánh giá theo các tiêu chí: thủ tục, thời gian và chi phí để kết nối với lưới điện, độ tin cậy cung cấp điện và tính minh bạch của giá điện.

Với kết quả trên, Chỉ số tiếp cận điện năng của Việt Nam tiếp tục đứng thứ 4 trong khu vực ASEAN và nằm trong nhóm ASEAN-4, đồng thời duy trì vị trí xếp hạng cao trên thế giới. Năm 2019, Chỉ số tiếp cận điện năng khu vực ASEAN đã chứng kiến sự tụt hạng của một số quốc gia như: Singapore từ vị trí thứ 16 xuống vị trí thứ 19 thế giới, Philippines tụt xuống đứng thứ 6 khu vực sau Brunei. Để tiếp tục duy trì việc tăng điểm số Chỉ số tiếp cận điện năng và cải thiện dịch vụ khách hàng năm 2019, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã tập trung đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ điện năng cấp độ 4.

Theo đó, số thủ tục và thời gian thực hiện của ngành điện đã có những chuyển biến tích cực, Việt Nam tiếp tục duy trì vị trí thứ 2 trong khu vực ASEAN về các chỉ số thành phần này. Nếu so

Cải thiện chất lượng và dịch vụ đưa Chỉ số tiếp cận điện năng thẳng hạng

□ PHÚC KHANG

Theo kết quả đánh giá vừa được Ngân hàng Thế giới (WB) công bố, Chỉ số tiếp cận điện năng của Việt Nam đã ghi dấu mốc năm thứ 6 tăng điểm liên tiếp với số điểm 88,2 (tăng 0,26 điểm so với 87,94 điểm của năm 2018).



Theo WB, Chỉ số tiếp cận điện năng của Việt Nam liên tục được cải thiện

Ảnh: THÁI ANH

sánh Việt Nam với các quốc gia tham gia ký kết Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái

Bình Dương (CPTPP), Chỉ số tiếp cận điện năng của Việt Nam đang ở nhóm 4 nước tốt nhất của

các nước tham gia Hiệp định.

Để tiếp tục duy trì thứ hạng hiện có và có điểm số tiếp tục

tăng trong thời gian vừa qua, ngành điện đã liên tục quyết liệt triển khai thực hiện hàng loạt các giải pháp chuyển đổi số trong công tác dịch vụ khách hàng như: 100% các dịch vụ cung cấp điện năng đều được thực hiện trực tuyến tương đương với dịch vụ công cấp độ 4, giờ đây mọi thủ tục từ đăng ký dịch vụ đến ký kết hợp đồng và thanh toán khách hàng đều có thể thực hiện trực tuyến 100%. Đồng thời, ngành điện luôn hướng tới sự đa dạng các kênh thông tin đảm bảo công khai, minh bạch hơn nữa về các quy định, thủ tục của ngành điện. Các website chăm sóc khách hàng, giải đáp trực tiếp qua đường dây nóng 24/24h của các trung tâm chăm sóc khách hàng của EVN trên toàn quốc, các ứng dụng di động chăm sóc khách hàng luôn được phát triển và vận hành hiệu quả.

Dịch vụ khách hàng là điểm chốt để nâng bậc

Năm 2019, ngành điện đã cải tiến thêm một bước nữa trong

Theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT), sau 10 năm triển khai Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020 (tại Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ), ngành chăn nuôi đã có bước phát triển cả về lượng và chất. Tuy nhiên, một số nội dung của Chiến lược này chưa phù hợp với thực tế.

Tỷ trọng chăn nuôi tăng ở mức thấp

Bộ NN&PTNT cho biết, việc thực hiện Chiến lược phát triển đến năm 2020 đã giúp ngành chăn nuôi Việt Nam trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn. Cụ thể, trong giai đoạn 2008-2018, sản lượng thịt các loại tăng trên 1,5 lần (từ 3,6 triệu tấn lên 5,4 triệu tấn), trứng tăng 2,3 lần (từ gần 5 tỷ quả lên 11,6 tỷ quả), sữa tươi tăng 3,6 lần (từ 262.200 tấn lên 936.700 tấn), thức ăn chăn nuôi công nghiệp tăng gần 2,4 lần (từ 8,5 triệu tấn lên 20,2 triệu tấn). Đặc biệt, việc xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi cũng ghi nhiều dấu ấn. Năm 2017 đánh dấu bước ngoặt lịch sử của ngành chăn nuôi gia cầm khi lần đầu tiên Việt Nam xuất khẩu được chính ngạch thịt gà chế biến sang Nhật Bản. Mới đây nhất, ngày 22/10, Bộ NN&PTNT tổ chức Lễ Công bố xuất khẩu lô sữa tươi đầu tiên sang thị trường Trung Quốc, đánh dấu bước phát triển vượt bậc của ngành này.

Tuy nhiên, Quyền Cục trưởng Cục Chăn nuôi (Bộ NN&PTNT) Nguyễn Xuân Dương thừa nhận, một số nội dung của Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020 chưa thực sự phù hợp với thực

Hướng tới chuyên nghiệp hóa ngành chăn nuôi

□ LÊ HÒA



Việt Nam đặt mục tiêu tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp đến năm 2030 đạt trên 40%
Ảnh: hoinongdan.org.vn

tế. Mục tiêu và định hướng phát triển chăn nuôi trong Chiến lược chưa đánh giá hết được vai trò quan trọng của yếu tố thị trường đối với sự phát triển của ngành hàng thịt lợn. Tổ chức sản xuất chăn nuôi theo các chuỗi liên kết gắn sản xuất, chế biến với kết nối thị trường còn yếu. Đến nay, tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp tăng ở mức thấp khoảng 31,5 -

32%, không đạt mục tiêu của Chiến lược (Chiến lược đề ra đến năm 2020 là 42%). Diễn hình trong chăn nuôi lợn, mục tiêu Chiến lược đặt ra là phải tăng đàn lợn bình quân 2% năm, tổng đàn đạt 35 triệu con vào năm 2020; trong đó, tỷ trọng đàn lợn ngoại nuôi trang trại, công nghiệp chiếm 37%. Tuy nhiên, kết quả thực tế trong 10 năm, đàn lợn chỉ có tốc độ tăng trưởng

0,5%/năm với tổng đàn duy trì ở mức 26 - 29 triệu con.

Mặc dù vậy, tại Dự thảo Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn 2040, Bộ NN&PTNT vẫn đặt ra mục tiêu: Mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020-2025 đạt trung bình 4 - 5%/năm; giai đoạn 2026 - 2030 đạt trung bình 3 - 4%/năm. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp đến năm 2030 đạt trên 40%; kiểm soát tốt dịch bệnh, nhất là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; xây dựng hệ thống vùng chăn nuôi bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, kiểm soát tốt môi trường...

Sớm đưa Luật Chăn nuôi đi vào cuộc sống

Tại Hội thảo lấy ý kiến đánh giá kết quả thực hiện “Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020 và xây dựng Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn 2040”, ông Trần Xuân Đông (Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Quảng Ninh) cho biết, chăn nuôi ở tỉnh chưa khai thác hết thế mạnh, tiềm năng. Hằng năm, tỉnh mới chỉ đáp ứng 60 - 65% nhu cầu lượng thực phẩm, còn lại phải nhập từ các tỉnh lân cận. Hiện toàn tỉnh mới có trên 200 DN đầu tư vào chăn

công tác kinh doanh và dịch vụ khách hàng với việc triển khai cung cấp 100% các dịch vụ điện theo phương thức điện tử. Theo đó, từ dịch vụ cấp điện mới đến các dịch vụ thay đổi trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán điện như: nâng công suất, thay đổi định mức số hộ, thay đổi mục đích sử dụng điện, treo tháo công tơ điện định kỳ... đều được triển khai cung cấp đến khách hàng sử dụng điện. Để đáp ứng yêu cầu vận hành, EVN đã triển khai xây dựng quy trình cung cấp các dịch vụ điện theo phương thức điện tử và nâng cấp các hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin.

Cũng trong năm 2019, ngoài việc triển khai giao dịch qua phương thức điện tử, dịch vụ cung cấp điện sẽ hoàn thiện kết nối 3 dịch vụ, gồm: đăng ký và cấp mới khách hàng trung áp, đăng ký và cấp mới khách hàng hạ áp và thanh toán tiền điện trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Theo lãnh đạo EVN, từ tháng 9/2019, dịch vụ đã được triển khai thử nghiệm và dự kiến sẽ chính thức cung cấp thực tế trên phạm vi cả nước trong tháng 11/2019. Bên cạnh đó, EVN cũng đã kết nối để đưa dịch vụ điện lên các website cung cấp dịch vụ công trực tuyến/Trung tâm hành chính công ở tất cả các tỉnh/thành phố.

Những nỗ lực triển khai đa dạng, đồng bộ các ứng dụng công nghệ thông tin và số hoá trong công tác chăm sóc khách hàng đã giúp đưa các dịch vụ điện đến gần thêm với DN và người dân. Đây là những điểm được WB ghi nhận và đánh giá cao. Đồng thời, việc rút ngắn thời gian, đơn giản hóa các hồ sơ, thủ tục và đẩy mạnh việc công khai, minh bạch các dịch vụ của ngành điện đến với khách hàng đã giúp Chi số tiếp cận điện năng của Việt Nam tiếp tục duy trì đã tăng về điểm số trong 6 năm liên tục.

Tuy nhiên, bên cạnh việc ghi nhận những nỗ lực không ngừng của ngành điện nhằm mang tới cho các khách hàng chất lượng và dịch vụ ngày càng tốt hơn, nhiều chuyên gia đồng quan điểm dự đoán để cải thiện Chi số tiếp cận điện năng của Việt Nam không còn nhiều do đã đạt tới ngưỡng cao. Dự báo được các chuyên gia đưa ra là thứ hạng của Chi số này trong những năm tới có thể tăng nhẹ mà cũng có thể giảm. Do đó, những kết quả cao đã đạt được cũng sẽ tạo ra nhiều áp lực và thách thức cho ngành điện trong việc tiếp tục cải thiện Chi số tiếp cận điện năng trong thời gian tới.■

nuôi, chỉ chiếm hơn 16% số lượng vật nuôi của tỉnh. Tỉnh cũng đã quy hoạch 17 vùng chăn nuôi tập trung nhưng vẫn không cụ thể được mỗi huyện, xã cần bao nhiêu diện tích đất đai cho chăn nuôi. Ông Đông đề nghị cơ quan chức năng sớm ban hành quy định “cứng hóa” về diện tích chăn nuôi chiếm bao nhiêu phần trăm trong phát triển nông nghiệp. Nếu vẫn tận dụng chăn nuôi trong làng, xã thì sẽ không thể tiến lên công nghiệp, hiện đại, đảm bảo an toàn dịch bệnh.

Chi Cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y TP. Hà Nội Nguyễn Ngọc Sơn đề xuất, cần đánh giá sâu hệ thống ngành. Nếu cấp huyện không có nhân lực chuyên sâu về chăn nuôi để góp ý, tham mưu cho ngành thì rất khó phát triển. Trong hệ thống ngành, con người là quan trọng nhất. Nếu có chính sách mà không có con người thi hành thì chính sách chỉ là trên giấy. Thời gian tới, để phát triển ngành chăn nuôi, cần nhấn mạnh về mục tiêu cụ thể nào đó, đặc biệt nâng cao chất lượng giống, sản phẩm; đồng thời, triển khai quyết liệt để Luật Chăn nuôi sớm đi vào cuộc sống.

Từ góc độ DN, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần T&T Hòa Bình Hà Văn Thắng cho rằng, chiến lược phát triển chăn nuôi không cần nặng nề về mặt số liệu, bởi chăn nuôi cần phải thực hiện theo mệnh lệnh của thị trường. Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện, tháo gỡ rào cản, khó khăn cho DN. Ông Thắng đề xuất Chiến lược cần khuyến khích các DN đầu tư công nghệ xử lý môi trường vào chăn nuôi, khuyến khích những mô hình mới để nhân rộng. Trong khi đó, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam Vũ Anh Tuấn chia sẻ, Công ty đã đầu tư vào Việt Nam 26 năm và đang đẩy mạnh chế biến phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, hiện nay, khâu kiểm soát giết mổ nhỏ lẻ ở nước ta chưa được chặt chẽ. Việc này gây ảnh hưởng và thiếu công bằng đối với những DN đầu tư bài bản, bởi chi phí đầu tư một dây chuyền giết mổ rất cao, rủi ro lớn. Do đó, Nhà nước cần kiểm soát chặt khâu giết mổ, quan tâm khuyến khích đến truy xuất nguồn gốc.■

SỬA ĐỔI LUẬT CHỨNG KHOÁN:

Bổ sung thêm các quy định để tăng tính minh bạch và kỷ luật thị trường

□ THÙY ANH

Tại phiên thảo luận ở hội trường về Dự án Luật Chứng khoán (sửa đổi), các đại biểu Quốc hội cho rằng, cơ quan soạn thảo cần quy định trách nhiệm của công ty kiểm toán độc lập khi để lọt những báo cáo tài chính không trung thực, đồng thời, tăng chế tài xử phạt các hành vi gian lận, thao túng trên thị trường.

Cần quy định trách nhiệm của kiểm toán độc lập

Theo đại biểu Hoàng Văn Cường (Hà Nội), chứng khoán là một thị trường giao dịch sản phẩm hàng hoá thông tin bất đối xứng, tức là chỉ có công ty chứng khoán biết rõ thực chất sản phẩm chứng khoán đó tốt như thế nào, còn người mua thì hoàn toàn tin vào báo cáo và sự giới thiệu của công ty chứng khoán. Do đó, nhà đầu tư chứng khoán muốn quyết định đầu tư phải dựa vào bản cáo bạch của công ty, báo cáo kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập và sự kiểm soát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Nói cách khác, thị trường chứng khoán có được giao dịch một cách hoàn hảo hay không phụ thuộc rất lớn vào 3 yếu tố bao gồm: bản cáo bạch của các công ty đại chúng, báo cáo đánh giá của đơn vị kiểm toán độc lập và sự kiểm soát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Khi 3 đơn vị này vận hành một cách trung thực, minh bạch thì tất cả nhà đầu tư sẽ không bị mua phải hàng hóa kém chất lượng hoặc phải chịu rủi ro. Chính vì vậy, để tạo ra một thị trường thực sự lành mạnh, việc kiểm soát tính minh bạch của 3 yếu tố cốt lõi này rất quan trọng.

Liên quan đến công ty kiểm toán độc lập, Điều 20 Dự thảo Luật Chứng khoán (sửa đổi) quy định: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét, chấp thuận và công khai danh sách tổ chức kiểm toán và danh sách kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận để thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán. Chính phủ quy định cụ thể về điều kiện tổ chức kiểm toán được chấp thuận để thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán. “Các quy định này cho thấy vai trò quan trọng của các công ty kiểm toán độc lập” - đại biểu Hoàng Văn Cường nhận định.

Bên cạnh đó, Dự thảo Luật cũng đã cụ thể hóa các nghĩa vụ của công ty kiểm toán độc lập như sau: Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi có thay đổi tên gọi, trụ sở chính, lĩnh vực hành nghề, danh sách kiểm toán viên hành nghề và các thay đổi dẫn đến việc không còn đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán; Giải trình, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán đơn vị có lợi



Dự thảo Luật Chứng khoán (sửa đổi) cần quy định trách nhiệm của công ty kiểm toán độc lập
 Ảnh minh họa

ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sau khi phát hành báo cáo kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán, trường hợp phát hiện đơn vị được kiểm toán có những sai phạm trọng yếu do không tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan đến báo cáo tài chính đã được kiểm toán thì phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, theo đại biểu Cường, trách nhiệm của đơn vị kiểm toán độc lập khi để xảy ra những cáo không trung thực lại chưa được đề cập tại Dự thảo Luật. Mặt khác, Dự thảo đã nâng mức xử phạt đối với hành vi gian lận trên thị trường chứng khoán, thế nhưng hiện nay, cơ quan quản lý mới chỉ xử lý các công ty chứng khoán, người giao dịch chứng khoán và công ty đại chúng, còn những đơn vị có chức năng kiểm soát hoạt động này lại chưa được quy định. Đây là điểm đáng lưu ý và cần phải được bổ sung vào Dự thảo Luật.

Tăng chế tài xử phạt vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán

Một vấn đề nữa được các đại biểu Quốc hội quan tâm là tình trạng vi phạm pháp luật về chứng khoán đang có chiều hướng gia tăng, tuy nhiên, mức xử lý hiện nay còn nhẹ và chưa đủ sức răn đe. Đại biểu Mai Thị Ánh Tuyết (An Giang) nhận định, các hành vi vi phạm trên thị trường chứng khoán ngày càng tinh vi, phức tạp, nhiều hành vi thao túng giá chứng khoán, giao dịch có dấu hiệu nội gián... Do đó, để tăng cường phòng ngừa những hành vi này, Dự thảo Luật

cần có những quy định cụ thể liên quan đến việc nâng cao chất lượng minh bạch thông tin của các DN cũng như các bên tham gia thị trường chứng khoán.

Cũng theo đại biểu Tuyết, “mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính là 10 lần khoản thu trái pháp luật có được từ hành vi vi phạm” và “mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực chứng khoán là 3 tỷ đồng” tại Dự thảo Luật là chưa mang tính răn đe. Do vậy, ngoài phạt tiền, Dự thảo Luật cần tăng cường chế tài xử phạt bổ sung như: treo giao dịch cổ phiếu, rút giấy phép hành nghề, đồng thời khắc phục tình trạng nộp tiền phạt xong vẫn vi phạm. Ngoài ra, Dự thảo Luật cần quy định theo hướng tăng thẩm quyền cho cơ quan quản lý nhằm nâng cao tính tuân thủ, cưỡng chế, thực thi trên thị trường.

Đại biểu Huỳnh Thành Chung (Bình Phước) cũng cho rằng, việc tăng mức phạt tiền không phải là biện pháp duy nhất để ngăn chặn hành vi vi phạm mà cần có cơ chế thu hồi số tiền thu lợi bất chính do vi phạm mà có. Mặc dù Dự thảo Luật cũng đã quy định mức phạt bằng 10 lần thu nhập có được nhưng trong thực tế, DN không trực tiếp vi phạm mà có thể mang danh nghĩa của DN khác hoặc chuyển sang người thứ ba để hưởng lợi. Vì vậy, Dự thảo Luật cần quy định rõ cơ chế để thu hồi số tiền này đối với cả trường hợp vi phạm trực tiếp và không trực tiếp. Với một loạt các giải pháp: thu hồi số thu lợi bất chính mà có, đối tượng vi phạm còn bị phạt nặng tiền và bị áp dụng các biện pháp xử phạt bổ sung, chế tài mới đảm bảo tính răn đe - đại biểu Chung nói.■

Tin tức

Tháng 10, lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng cao kỷ lục

Theo Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tháng 10/2019, ngành du lịch Việt Nam đón lượng khách quốc tế cao kỷ lục từ trước đến nay, đạt gần 1,62 triệu lượt, tăng 34,3% so với cùng kỳ năm 2018. Cũng theo số liệu thống kê, 10 tháng của năm 2019, lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đạt gần 14,5 triệu lượt, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, khách Trung Quốc và Hàn Quốc chiếm gần 56% lượng khách quốc tế đến Việt Nam. Theo đánh giá của Tổng cục Du lịch, đây là mức tăng trưởng ấn tượng, cao hơn đáng kể mức bình quân chung của thế giới cũng như khu vực theo đánh giá của Tổ chức Du lịch thế giới. Một tín hiệu vui khác là trong 10 tháng qua, khách quốc tế từ các nhóm thị trường nguồn trọng điểm của du lịch Việt Nam đều tăng trưởng. ■ **PHỐ HIỂN**

Ngày hội Di sản văn hóa, Du lịch Việt Nam năm 2019

Sự kiện sẽ diễn ra từ ngày 21 - 26/11 tại Trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật Việt Nam (TP. Hà Nội). Đây là hoạt động thiết thực nhân kỷ niệm Ngày Di sản văn hóa Việt Nam (23/11).

Ngày hội Di sản văn hóa, Du lịch Việt Nam năm 2019 hứa hẹn sẽ là sự kiện văn hóa, du lịch quan trọng, nhằm giới thiệu, quảng bá và tôn vinh các giá trị di sản văn hóa đặc sắc của Việt Nam, đặc biệt là các di sản được Tổ chức Giáo dục Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) công nhận. Đồng thời, đây là cơ hội để giới thiệu, quảng bá tiềm năng văn hóa, thương mại và du lịch, liên kết phát triển du lịch di sản văn hóa bền vững giữa các vùng miền. ■ **LỘC NGUYỄN**

Gần 100 doanh nghiệp đã được cấp chứng nhận GMP về sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe

Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế) cho biết, tính đến ngày 15/10/2019, đã có 94 DN trên cả nước được cấp Giấy chứng nhận GMP (Tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt nhằm đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn cho sản xuất) trong sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

Theo quy định, từ ngày 01/7/2019, tất cả các cơ sở sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe phải có Giấy chứng nhận GMP thì mới được sản xuất. Yêu cầu để đạt chứng chỉ GMP đối với sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe tương tự như tiêu chuẩn GMP đối với cơ sở sản xuất thuốc. Cục An toàn thực phẩm đã và đang hỗ trợ các DN trong việc hoàn thiện hồ sơ để thẩm định đạt tiêu chuẩn GMP nhằm có nhiều sản phẩm tốt, an toàn, phục vụ người tiêu dùng. ■ **Đ. KHOA**

Gần 90 triệu lượt hồ sơ ngành bảo hiểm xã hội đã được tiếp nhận, chuyển phát qua hệ thống bưu chính

Theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam, thực hiện Hợp đồng phối hợp giữa BHXH Việt Nam và Tổng công ty Bưu điện Việt Nam về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) qua dịch vụ bưu chính công ích cho đơn vị sử dụng lao động, từ năm 2014 đến tháng 9/2019, toàn quốc có gần 26,5 triệu hồ sơ BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích và 61,5 triệu kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ bưu chính công ích.

Số lượng tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả TTHC tăng nhanh. Nếu như năm 2014, toàn quốc mới có 356.156 hồ sơ được tiếp nhận qua hệ thống bưu điện thì đến 9 tháng năm 2019 đã có trên 3,8 triệu hồ sơ được tiếp nhận. Về trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính, năm 2014 là 356.561 hồ sơ, 9 tháng năm 2019 trên 13,6 triệu hồ sơ. ■ **N. HỒNG**

Với mục đích tạo dựng nguồn quỹ để thúc đẩy hoạt động xúc tiến, quảng bá, hỗ trợ phát triển ngành du lịch, Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thành lập. Thế nhưng, dù chưa chính thức đi vào hoạt động, việc quản lý, sử dụng nguồn quỹ trong tương lai ra sao lại đang là vấn đề nảy sinh nhiều băn khoăn.

Tháo gỡ khó khăn tài chính cho hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch

Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch có chủ trương thành lập từ rất sớm khi được đề cập trong quá trình bàn thảo xây dựng Luật Du lịch năm 2005, nhưng trải qua quá

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DU LỊCH:

Chưa hoạt động đã gặp khó

□ **NGUYỄN LỘC**

trình “thai nghén” khá lâu, đến cuối năm 2018, Quỹ mới chính thức ra đời.

Theo Quyết định số 49/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch (sau đây gọi chung là Quỹ), đây là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là đại diện chủ sở hữu. Vốn điều lệ của Quỹ là 300 tỷ đồng, được ngân sách T.Ư cấp trong 3 năm đầu sau khi thành lập. Theo quy định, Quỹ có các nguồn thu từ visa (10% tổng thu từ thị thực), 5% nguồn thu từ các điểm đến du lịch, đặc biệt khuyến khích nguồn xã hội hóa đóng góp cho Quỹ.

Kinh phí Quỹ được xác định là sẽ dành phần lớn cho công tác quảng bá, xúc tiến du lịch. Theo các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch, trong bối cảnh kinh phí dành cho quảng bá, xúc tiến mỗi năm của du lịch Việt Nam còn rất khiêm tốn (khoảng 2 triệu USD mỗi năm), sự ra đời của Quỹ được kỳ vọng sẽ giải bài toán kinh phí cho công tác này. Dù chưa có con số cụ thể nhưng kinh phí xúc tiến, quảng bá, hỗ trợ các hoạt động đào tạo của ngành du lịch được dự báo sẽ tăng đáng kể và có thể sẽ vượt 2 triệu USD khi Quỹ đi vào hoạt động.

Kỳ vọng là vậy, tuy nhiên, xoay quanh hoạt động của Quỹ nói chung vẫn còn nhiều vấn đề đáng bàn. Tại buổi giới thiệu Diễn đàn cấp cao Du lịch Việt Nam lần thứ 2, diễn ra mới đây, bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - cho biết, mọi công tác chuẩn bị cho Quỹ đang được triển khai thực hiện để chính thức đi vào hoạt động từ năm 2020. Tuy nhiên, quá trình chuẩn bị và lấy ý kiến về một số nội dung của Quỹ đã vấp phải một số khó khăn.

Chẳng hạn, việc xác định Quỹ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và nắm toàn quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý, điều hành cấp cao là chưa phù hợp... Bởi, trên thực tế, không mấy tổ chức, cá nhân nào sẵn lòng tài trợ, đóng góp cho một Quỹ hoàn toàn do Nhà nước quản lý. Chưa kể, nếu quá trình hoạt động của Quỹ không chuyên nghiệp, không đảm bảo tính minh bạch thì việc huy động sự tham gia của DN càng khó khăn.

Nỗi cộm khó khăn về tài chính

Là cơ quan đóng vai trò tham mưu, tư vấn cho hoạt

động du lịch cấp T.Ư, đồng thời trực tiếp tham gia xây dựng Quỹ, Hội đồng Tư vấn Du lịch quốc gia hiện đã thu hút được 9 nhà tài trợ, đóng góp 45 tỷ đồng trong thời hạn 3 năm. Để các DN tin tưởng và đóng góp, Hội đồng Tư vấn Du lịch quốc gia đưa ra 3 tôn chỉ là “tính minh bạch, tính chuyên nghiệp và tính hiệu quả” và kết quả thực hiện đều phải rất cao...

Tuy nhiên, các chuyên gia là thành viên Hội đồng cũng thừa nhận còn nhiều khó khăn khi triển khai Quỹ. Trong đó, nổi cộm là vấn đề thu - chi tài chính. Bởi theo quy định, 2 nguồn thu chính của Quỹ là từ thu phí cấp thị thực và thu phí tham quan còn bất hợp lý và bất bình.



Ảnh: MINH THÁI

Cụ thể, nguồn thu từ phí cấp thị thực cho người nước ngoài được cho là không phù hợp với thực tiễn các quỹ phát triển du lịch ở các nước, lại mâu thuẫn với đề xuất nhất quán của ngành du lịch trong việc mở rộng danh sách miễn thị thực đơn phương, như vậy, nguồn thu từ thị thực tiến tới sẽ không còn đáng kể. Theo bà Cao Thị Ngọc Lan - Tổng Thư ký Hiệp hội Du lịch Việt Nam, về lâu dài, cần đề xuất các nguồn thay thế cho Quỹ. Trong đó, sự tham gia, đóng góp của các DN hoạt động trong lĩnh vực du lịch cần được xác định đóng vai trò quan trọng.

Một số chuyên gia cũng cho rằng, Quỹ phải chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về các hoạt động tài chính của Quỹ bởi cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và KTTN là cần thiết. Có quy định này là bởi Quỹ hoạt động theo mô hình và vận dụng cơ chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Tuy nhiên, một số ý kiến cũng bày tỏ lo ngại trong trường hợp Quỹ không bảo toàn được vốn điều lệ do các nguồn thu không bù đắp được chi phí hoạt động thì trách nhiệm của lãnh đạo được giao quản lý Quỹ ra sao?

Từ những bất cập nêu trên, nhiều ý kiến cho rằng, nếu các quy định về Quỹ không được điều chỉnh, sửa đổi thì khi đi vào hoạt động, Quỹ sẽ gặp nhiều khó khăn. Do đó, theo đề xuất của Hội đồng Tư vấn Du lịch quốc gia, Quỹ cần được sửa đổi, bổ sung chính sách, cơ chế hoạt động theo hướng là Quỹ hợp tác đối tác công - tư, có sự tham gia từ khối các DN du lịch, hàng không. Tuy nhiên, để làm được điều này, ngoài khung khổ pháp lý, Nhà nước cần có cơ chế để DN thấy được nghĩa vụ cũng như lợi ích khi tham gia vào Quỹ. ■

TIN VĂN

- Liên quan đến tình trạng đăng tin, mua bán các loại văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận chuyên môn, nghiệp vụ tràn lan, mới đây, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương rà soát, xử lý việc cấp văn bằng, chứng chỉ trái quy định của pháp luật.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch vừa có công văn gửi UBND tỉnh Hà Giang về việc kiểm tra, giám sát Dự án Khu du lịch sinh thái văn hóa tâm linh

Lũng Cú và Dự án Thang máy tham quan di tích Đền Cao ở Đồng Văn, do các dự án này vi phạm vùng bảo vệ của Công viên Cao nguyên đá Đồng Văn đã được UNESCO ghi danh.

- Việt Nam lần đầu tiên có 2 cơ sở giáo dục đại học được xếp hạng ở Bảng xếp hạng các cơ sở đào tạo đại học tốt nhất toàn cầu là Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP. HCM

- Theo kế hoạch, Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo 63 Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thanh tra diện rộng về quản lý thông tin thuê bao điện thoại di động trên phạm vi toàn quốc. ■ **NGUYỄN LỘC**

Tin tức

Pakistan: Tham nhũng tại Tổng cục Hải quan

Cuộc kiểm toán mới đây của KTNN Pakistan tại Tổng cục Hải quan Pakistan đã phát hiện tham nhũng hàng loạt với giá trị hàng tỷ Rupee. Theo đó, nhiều quan chức cấp cao của Tổng cục Hải quan Pakistan đã biển thủ 60 tỷ Rupee. Các kiểm toán viên đã phát hiện tới 50 công ty ảo được thành lập dưới danh nghĩa xuất nhập khẩu vàng, song trên thực tế, không có hồ sơ nào tồn tại về các công ty này. KTNN Pakistan yêu cầu Ban Lãnh đạo của Tổng cục cần có biện pháp tức thì đối với các trường hợp liên quan đến vụ việc tham nhũng này.■ *(Theo Samaa Digital)*

Kenya: Khởi động kiểm toán hàng không nội địa

Cơ quan Hàng không dân sự Kenya (KCAA) ngày 28/10 cho biết, họ sẽ khởi động các cuộc kiểm toán đối với hàng không nội địa tại quốc gia này, sau khi xảy ra hàng loạt các vụ tai nạn liên quan đến vận chuyển hàng không nội địa. Trong đó, KCAA tập trung xác định mức độ tuân thủ theo các quy định, quy trình và an toàn hàng không của các đơn vị vận hành. Điều này thể hiện cam kết ưu tiên của KCAA trong việc đảm bảo an toàn và an ninh hàng không cho người dân.■ *(Theo Xinhuanet)*

Australia: 4 ngân hàng lớn nhất nước chi 1,1 tỷ USD cho các hãng Big Four

Chính phủ Australia mới đây công bố số liệu cho thấy, 4 ngân hàng lớn nhất nước này là ANZ Bank, Commonwealth Bank, NAB và Westpac đã chi hơn 1,1 tỷ USD chi phí thuê các dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế của các hãng Big Four trong 10 năm qua (2008-2018). Hiện Chính phủ nước này đang kêu gọi một cuộc đánh giá mới về chất lượng hoạt động của nghề nghiệp kiểm toán tại Australia, do cuộc đánh giá trước đó đã được thực hiện cách đây 8 năm.■ *(Theo Financial Times)*

Tin văn

►► PwC mới đây được lựa chọn trở thành Hãng kiểm toán độc lập của Công ty Quảng cáo toàn cầu M&C Saatchi của Anh.■ *(Theo The City A.M)*
►► Tổ chức phi chính phủ Break Free From Plastic (BFFP) vừa qua đã công bố kết quả kiểm toán chất thải nhựa, trong đó nêu tên Coca Cola là nhãn hiệu gây ô nhiễm rác thải nhựa bậc nhất thế giới.■ *(Theo Forbes)*

TRÚC LINH

Báo động tình trạng rác thải tràn lan tại New Zealand

□ THANH XUYỀN

Tháng 9 vừa qua, New Zealand đã hoàn thành cuộc kiểm toán rác thải quốc gia năm 2019 và công bố những con số đáng báo động về lượng rác thải khổng lồ tại khắp các khu vực trên cả nước.

Ô nhiễm môi trường qua những con số "khủng"

Năm 2016, các tình nguyện viên của Tổ chức phi lợi nhuận Giữ gìn New Zealand sạch đẹp (KNZB) đã thu thập được hơn 190.000 tấn rác thải tại các đường phố. Số rác này ước tính có thể chất thành những đồng cao nửa mét tại khoảng 120 sân bóng bầu dục.

Tình trạng tồi tệ này đã thúc đẩy KNZB thực hiện một cuộc kiểm toán quốc gia chuyên sâu trong năm 2019 để đánh giá tình trạng ô nhiễm rác thải hiện nay tại New Zealand. Đây là cuộc kiểm toán tình hình rác thải chi tiết nhất từng được thực hiện tại New Zealand do Chính phủ tài trợ, với sự giúp đỡ của Cơ quan Bảo tồn, Thống kê và Bộ Môi trường New Zealand. Kết quả kiểm toán đã cho thấy tình trạng ô nhiễm rác thải đáng báo động hơn nhiều lần so với 3 năm trước.

Cụ thể, trong 6 tháng (từ tháng 02 - 7/2019), các nhà khảo sát đã nghiên cứu tình hình thực tế tại 413 khu vực với diện tích tổng cộng gần 500.000 m². Các địa điểm được khảo sát bao gồm cả các vùng đô thị và nông thôn, các trung tâm giải trí công cộng, bãi đỗ xe, khu công nghiệp, khu dân cư, các trung tâm bán lẻ, đường cao tốc, đường sắt... Từ những kết quả thực tế thu được, các chuyên gia đã sử dụng phương pháp ngoại suy, mở rộng kết luận sang các khu vực khác trên toàn quốc.

Cuộc kiểm toán ước tính, có tới gần 3,7 tỷ mảnh nhựa đang bị vứt bừa bãi khắp New Zealand. Số lượng rác là bim trẻ em, tã lót dùng một lần ước tính chứa khoảng 395 triệu lít nước tiểu, có thể lấp đầy tới 159 bể bơi có kích thước dài 50m, rộng 25m, sâu 2m. Khoảng 10,3 tỷ mẫu thuốc lá vương vãi khắp nơi. Số lượng rác thải là các loại lon, chai, lọ đựng nước có thể lấp đầy 25 sân bóng với chiều cao 1m.

Cuộc kiểm toán cho thấy, các công ty, DN, hãng bán lẻ xả rác nhiều nhất: các công viên và khu dân cư là những điểm ít rác thải hơn, trung bình từ 80 - 370g rác được tìm thấy trên 1000m² đất. Các khu vực đường cao tốc và đường sắt là những nơi rác bị vứt bừa bãi và nhiều nhất. Tàn thuốc lá và tã bim dùng một lần là hai loại rác thải chiếm tỷ lệ lớn nhất trên toàn quốc.

Cuộc kiểm toán xác định, các sản phẩm từ bia Speights thuộc Nhà máy Bia Speights ở TP. Dunedin đã xả rác ra môi trường nhiều nhất, chiếm 5,44% trên tổng số các loại rác thải là sản phẩm của các công ty, nhà máy sản xuất.

Tập đoàn Kinh doanh hệ thống nhà hàng thức ăn nhanh McDonalds và Công ty Sản xuất bia DB Breweries đứng vị trí ngay sau Speights với số lượng rác của mỗi công ty chiếm 4,93% trên tổng số rác thải là các sản phẩm do các công ty, nhà máy thải ra.



New Zealand đối mặt với tình trạng rác thải đáng báo động
Ảnh: Rotorualakescouncil

Kết quả kiểm toán truyền thông điệp bảo vệ môi trường

Nguyên nhân của tình trạng rác thải bị vứt bừa bãi trên được xác định là do nhiều người dân cố tình xả rác trái nơi quy định; nhiều trường hợp vô ý, chưa có ý thức vứt rác đúng nơi. Nhiều công ty, DN trong nước chưa ý thức được việc sử dụng các nguyên liệu, sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường, hạn chế các sản phẩm nhựa, giấy dùng một lần, chưa chú trọng công tác thu gom, xử lý rác thải khoa học, an toàn...

Bộ Môi trường New Zealand đã đánh giá cao cuộc kiểm toán trên. Theo đó, những phát hiện của cuộc kiểm toán đã góp phần quan trọng trong việc thu thập các dữ liệu quan trọng về chất thải của quốc gia trong năm 2019 cũng như nêu bật tình trạng xả rác đáng báo động tại quốc gia này, từ đó giúp Chính phủ đưa ra những biện pháp khắc phục tình trạng trên để bảo vệ môi trường đang ngày càng bị đe dọa nghiêm trọng. Báo cáo kiểm toán cũng cung cấp cho Bộ những dữ liệu cơ bản để làm cơ sở theo dõi tình trạng xả rác, các biện pháp hạn chế và xử lý rác thải trong tương lai.

Từ trước tới nay, New Zealand được biết đến là một quốc gia xanh, sạch, đẹp. Tuy nhiên, hình ảnh đẹp đẽ này đang dần bị hủy hoại khi các công viên, bãi đậu xe, các trung tâm bán hàng ngày càng phải chịu cảnh xả rác bừa bãi, ô nhiễm tăng cao.

Cuộc kiểm toán trên cho thấy rác thải vẫn là một trong những vấn đề nóng nhất tại tất cả các địa phương của New Zealand nhiều năm qua. Theo Bộ Môi trường New Zealand, những kết quả đáng báo động mà cuộc kiểm toán nêu ra cũng sẽ góp phần truyền đi thông điệp về bảo vệ môi trường, đó là: mỗi người dân New Zealand và công dân toàn cầu nói chung cần dừng ngay những hành động phá hoại thiên nhiên cũng như suy nghĩ về vai trò, trách nhiệm của mình trong bảo vệ môi trường.■

(Theo Insidewaste, Tvnz.co.nz và Odt.co.nz)

ẤN ĐỘ:

Tập đoàn Reliance dính hàng loạt bê bối tài chính

với các khoản vay trị giá 9,86 tỷ Rupee (140 triệu USD), tiếp theo là Ngân hàng Nhà nước Ấn Độ với khoản vay trị giá 4,91 tỷ Rupee. Ngân hàng Eximbank của Trung Quốc đã tìm cách đòi Tập đoàn thanh toán 3,36 tỷ Rupee, Ngân hàng Công thương Trung Quốc thì yêu cầu bồi thường 1,554 tỷ Rupee tiền nợ.

Trong khi đó, một công ty con khác của Tập đoàn là Reliance Infrastructure đã báo cáo mức lỗ hàng quý lớn nhất từ trước đến nay là 3,301 tỷ Rupee, làm mất đi số tiền hơn 8,5 tỷ Rupee ngay sau khi được hình thành.

Ông chủ của Tập đoàn - Anil Ambani - từng là một trong những người đàn ông giàu nhất thế giới. Không chỉ bị bao vây bởi các khoản nợ lên tới hàng tỷ USD, ông này còn bị mất tới 523 triệu USD vốn chủ sở hữu trong tổng số DN mà ông sở hữu. Đáng chú ý, vốn chủ sở hữu không bị phong tỏa của ông, ngoại trừ cổ phiếu và tài sản cầm cố, giờ chỉ còn ở mức chưa đầy 109 triệu USD. Vào năm 2006, khối tài sản của ông đã lên tới 42 tỷ USD nhưng chỉ trong vòng 4 tháng gần đây, Tập đoàn Reliance được định giá chỉ còn hơn 8.000 USD.

Sau những bê bối về tài chính, Tập đoàn Reliance đã mất gần 90% tổng vốn hóa thị trường trong những năm qua và gần đây ông Anil Ambani đã phải bán hết 43% cổ phần trong liên doanh Quỹ tương hỗ Reliance Nippon Life Asset Management (RNLAM). Tập đoàn này cũng đang tìm cách bán đơn vị bảo hiểm của mình. Được biết, Công ty con RCom đã nộp đơn xin phá sản vào ngày 31/5 vừa qua do mất khả năng thanh toán.■

(Theo The Economic Times và The Hindu Times)
NGỌC QUỲNH

Cuối tháng 10 vừa qua, Hãng kiểm toán độc lập PwC đã lên tiếng chỉ trích những sai phạm trong quản lý tài chính của Tập đoàn Reliance (Ấn Độ), dẫn đến sự sụp đổ của hàng loạt các công ty con do Tập đoàn kiểm soát. Đồng thời, PwC cáo buộc rằng Reliance đã không hợp tác hoàn toàn với Hãng kiểm toán trong quá trình điều tra nhằm hoàn thiện báo cáo.

PwC cho biết, các ngân hàng cho vay, bao gồm: Ngân hàng Phát triển Trung Quốc, Ngân hàng Công thương Trung Quốc và Ngân hàng Eximbank của Trung Quốc đã yêu cầu công ty con của Tập đoàn là Reliance Communications (RCom) trả ít nhất 2,1 tỷ USD trong số các khoản nợ hiện hữu của Tập đoàn. Theo hồ sơ, Ngân hàng Phát triển Trung Quốc là nhà cho vay lớn nhất của RCom



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
FUELLING VALUES TO LIFE



Toà nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Phước Kiển, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: [84-28] 3781 6777 | Fax: [84-28] 3781 5666 | Email: pvgas@pvgas.com.vn | Website: http://www.pvgas.com.vn

KIỂM TOÁN
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Tổng biên tập: ĐỖ HỒNG CÔNG
Phó Tổng biên tập: MAI HẢI ĐƯỜNG

Trụ sở: 111 Trần Duy Hưng - Cầu Giấy - Hà Nội
Email: baokiemtoan@sav.gov.vn
Website: baokiemtoannhanuoc.vn, www.auditnews.vn
Điện thoại: Phòng Trị sự: (024) 6282 2100, Phòng Báo điện tử: 6276 7891
Phòng Thư ký toà soạn: 6282 2112, Phòng Phát hành - Quảng cáo: 6282 2201
Phòng Phóng viên: 6282 2202, Phòng Chuyên đề: 6282 2110; Fax: (024) 6282 2191

Tài khoản: Bảo Kiểm toán - 2601 0000 056239
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình
Giấy phép hoạt động báo chí in: Số 806/GP-BTTTT ngày 14/5/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông
Chế bản vi tính tại Tòa soạn
In tại Công ty TNHH MTV In Quân đội 1

Giá: 5.800đ

Tăng cường giám sát thực hiện pháp luật về bảo hiểm xã hội

Theo đánh giá của cơ quan BHXH, tình trạng trốn đóng BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), nợ đọng, chiếm dụng tiền BHXH, BHYT ở các DN vẫn diễn ra tại nhiều địa phương. Nhằm giải quyết tình trạng này, cơ quan BHXH đã tăng cường công tác thanh tra chuyên ngành, xử lý nghiêm các DN vi phạm.

Đáng chú ý, cơ quan BHXH cũng tích cực phối hợp với các cơ quan hữu quan, trong đó có tổ chức công đoàn thực hiện giám sát việc chấp hành pháp luật về BHXH của các tổ chức, cá nhân. Từ năm 2017, mặc dù hoạt động giám sát BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT của cơ quan BHXH đã được thực hiện bởi các đoàn thanh tra chuyên ngành song hoạt động phối hợp trong công tác bảo vệ quyền lợi cho NLĐ, nhất là công tác giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về BHXH của DN dành cho NLĐ vẫn được tăng cường, mở rộng. Trong đó, ngành BHXH hỗ trợ tích cực cho tổ chức công đoàn trong việc thực hiện chức năng khởi kiện.

Theo Quy chế phối hợp giữa hai bên, cơ quan BHXH có trách nhiệm cung cấp cho tổ chức công đoàn danh sách các đơn vị nợ BHXH cần khởi kiện, hồ sơ xác định nợ và các tài liệu khác có liên quan để phục vụ việc khởi kiện. Sau 2 năm triển khai thực hiện Quy chế (2016-2018), việc phối hợp giữa cơ quan BHXH và tổ chức công đoàn đã

Ngành bảo hiểm xã hội và công đoàn chung tay bảo vệ quyền lợi người lao động

HẢI ĐĂNG

Thời gian qua, cùng với các hoạt động chuyên ngành, cơ quan bảo hiểm xã hội (BHXH) và tổ chức công đoàn các cấp đã tăng cường phối hợp trong việc giám sát, xử lý nghiêm, khởi kiện DN vi phạm pháp luật về BHXH, nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động (NLĐ).



Cần tăng cường công tác phối hợp giám sát thực hiện pháp luật về BHXH
Ảnh: Internet

đạt được một số kết quả nhất định. Cụ thể: cơ quan BHXH các cấp đã cung cấp 2.909 hồ sơ đơn vị sử dụng lao động nợ tiền BHXH cho công đoàn cùng cấp để thực hiện việc khởi kiện (riêng năm 2018 là 887 hồ sơ), liên đoàn lao động (LĐLĐ) các tỉnh đã nộp 126 hồ sơ khởi kiện cho tòa án, 4 vụ việc đã có Quyết định công nhận thỏa thuận của tòa án (hòa giải thành), với tổng số tiền đã trả nợ sau hòa giải là 1,32 tỷ đồng (riêng năm 2018 là 696 triệu đồng).

Chung tay bảo vệ quyền lợi của người lao động

Công tác phối hợp giám sát thực hiện chính sách BHXH giữa cơ quan BHXH và tổ chức công đoàn được triển khai sâu rộng, mang lại nhiều kết quả, lợi ích thiết thực cho NLĐ. Tổ chức công đoàn, cơ quan BHXH đã can thiệp kịp thời nhiều vụ việc DN phá sản, nợ lương, trốn đóng BHXH, BHYT nên quyền lợi của NLĐ đã được giải quyết. Điển hình như tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trong năm qua, LĐLĐ tỉnh

đã phối hợp với cơ quan BHXH và các cơ quan chức năng khác giải quyết tình trạng nợ lương cho hơn 700 NLĐ với số tiền 18,5 tỷ đồng; cử cán bộ tiếp nhận ủy quyền khởi kiện của hơn 400 NLĐ tại Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí hàng hải Sài Gòn (Công ty này nợ 42,5 tỷ đồng lương, BHXH của hơn 1.000 NLĐ). Sau khi tiến hành thủ tục khởi kiện, đến tháng 9/2018, DN đã thanh toán toàn bộ số nợ trên nên hơn 1.000 NLĐ đã được chốt sổ BHXH và hưởng đầy đủ các chế độ liên quan.

Với những hiệu quả từ việc phối hợp giải quyết tình trạng DN trốn đóng, nợ đọng BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho NLĐ, nhiều ý kiến cho rằng, cần tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Trong quá trình thực hiện công tác, cần lấy quyền lợi của NLĐ là trọng tâm giải quyết công việc.

Đây cũng là ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị thực hiện Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Chính phủ và

Tổng LĐLĐ Việt Nam năm 2019. Trước thực trạng trốn đóng BHXH, BHYT, nợ đọng, chiếm dụng tiền BHXH, BHYT ở các DN vẫn diễn ra tại nhiều địa phương, Thủ tướng đề nghị thời gian tới cần sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 47/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội theo hướng ưu tiên giải quyết nợ lương, trợ cấp thôi việc, BHXH, BHYT đối với NLĐ, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể, đảm bảo sự đồng bộ với Luật Phá sản DN và Bộ luật Lao động.

Thủ tướng giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, BHXH Việt Nam, Tổng LĐLĐ Việt Nam đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, đặc biệt là thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH; thực hiện khởi kiện DN chậm đóng, trốn đóng, gian lận BHXH, bảo hiểm thất nghiệp; rà soát, thống kê cụ thể số NLĐ bị ảnh hưởng quyền lợi trong các DN phá sản, rút giấy phép kinh doanh, có chủ nợ bỏ trốn để làm cơ sở cho việc nghiên cứu, đánh giá tác động một cách toàn diện, từ đó đề xuất quá trình sửa đổi Luật BHXH và các luật có liên quan để giải quyết quyền lợi cho NLĐ.■

Cần có giải pháp “kích cầu” để người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện

Năm 2008 là năm đầu tiên áp dụng chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH) tự nguyện, cả nước chỉ có 6.000 người tham gia. Đến 2019, trong 3 quý đầu năm, cả nước tiếp tục có thêm 192.326 người tham gia BHXH tự nguyện, nâng tổng số người tham gia chính sách này là 463.105 người.

Để đạt được kết quả nêu trên, trước hết, phải kể đến nỗ lực của ngành BHXH - cơ quan được giao trách nhiệm thực hiện chính sách. Theo đó, toàn ngành đã chủ động triển khai nhiều giải pháp như: phối hợp với cơ quan bưu điện tổ chức hàng nghìn hội nghị tuyên truyền tại các địa phương, tập huấn công tác tuyên truyền BHXH cho cán bộ BHXH các cấp... BHXH các cấp đã cùng các đại lý bưu điện tích cực thực hiện phương châm “đến từng nhà, gặp từng người” để tuyên truyền, vận động, mở rộng đối tượng.

Mặc dù vậy, BHXH Việt Nam cũng nhận định, hiện nay, số người tham gia BHXH tự nguyện trên cả nước mới chiếm khoảng 0,9% so với lực lượng lao động trong độ tuổi. Với kết quả này, việc phấn đấu có 1% lực lượng lao động tham gia BHXH tự nguyện vào năm 2021 theo Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành T.Ư Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII về cải cách chính sách BHXH đề ra là có thể đạt được. Nhưng mục tiêu có 2,5% lực lượng lao động tham gia BHXH tự nguyện vào năm 2025 lại là nhiệm vụ không dễ. Bởi, một số nội dung, chế độ chính sách vẫn chưa đủ sức hấp dẫn; nhóm đối tượng tiềm năng của chính sách này lại thường có thu nhập không ổn định cho nên không dễ đóng góp hằng tháng, trong khi mức hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện vẫn được xem là thấp.

Để tăng tính hấp dẫn của BHXH tự nguyện, Phó Vụ trưởng Vụ BHXH (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) Trần Hải

Nam cho rằng, thời gian tới, cần tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện và giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH tới các địa phương; thúc đẩy chuyển dịch lao động từ khu vực phi chính thức sang khu vực chính thức, nhằm tạo việc làm, thu nhập ổn định, giúp người dân có điều kiện tham gia BHXH. Cùng với đó, cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật theo hướng giảm dần điều kiện thời gian đóng góp hưởng lương hưu từ 20 năm xuống 15 năm và tiến tới còn 10 năm để mở rộng cơ hội tiếp cận lương hưu. Đồng thời, nghiên cứu để thực hiện các gói BHXH ngắn hạn linh hoạt, đáp ứng nhu cầu của người dân; điều chỉnh chính sách hỗ trợ tiền đóng phù hợp, tạo động lực để khuyến khích người dân tham gia BHXH tự nguyện.

Còn theo Phó Chủ nhiệm Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội Bùi Sỹ Lợi, trong giai đoạn đầu, rất cần nâng mức hỗ trợ để “kích cầu”. Theo đó, Nhà nước cần hỗ trợ 50% mức đóng khi tham gia BHXH tự nguyện, riêng người thuộc hộ nghèo và cận nghèo thì được hỗ trợ cao hơn. Việc hỗ trợ này sẽ tạo sự bao phủ BHXH tự nguyện trên diện rộng, sau đó sẽ điều chỉnh giảm dần. Theo ông Lợi, cần lấy bài học từ chính sách bảo hiểm y tế, ban đầu hỗ trợ thấp nên rất ít người tham gia, sau đó “nới lỏng” nên tới nay, đã gần 90% dân số tham gia bảo hiểm y tế. “Nhà nước đã hỗ trợ mở rộng người tham gia BHXH tự nguyện, nhưng tổng chi hỗ trợ tới nay mới khoảng 40 tỷ đồng. Nếu tổng mức hỗ trợ mỗi năm có thể tăng lên 2.000 - 3.000 tỷ đồng thì chắc chắn số người tham gia BHXH tự nguyện sẽ tăng mạnh, đảm bảo mục tiêu an sinh xã hội” - Ông Bùi Sỹ Lợi nhấn mạnh.■

BẢO TRÂN

Hà Nội công khai danh tính 500 đơn vị nợ bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm xã hội (BHXH) TP. Hà Nội vừa công khai danh tính của những đơn vị, DN nợ đọng BHXH kéo dài trên các phương tiện thông tin đại chúng. Theo đó, có 500 đơn vị, DN nợ BHXH lớn với thời gian từ 6 - 24 tháng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của 13.660 người lao động.

Theo BHXH TP. Hà Nội, tổng số nợ BHXH phải tính lãi trên địa bàn là 1.989,4 tỷ đồng (tăng 136,3 tỷ đồng so với tháng 8) và chiếm 4,27% số phải thu. Chỉ tính 500 đơn vị, DN nợ BHXH kéo dài từ 6 - 24 tháng thì số nợ đã lên tới gần 280 tỷ đồng. Năm trong danh sách nợ BHXH trên 3 tỷ đồng có 11 DN, điển hình là: Công ty TNHH May mặc xuất khẩu VIT Garmant (Khu công nghiệp Quang Minh) nợ trên 21 tỷ đồng - 18 tháng; Công ty Cổ phần (CP) Đầu tư và Phát triển công nghiệp cao Minh Quân (Nhà hàng O2 - Khu đô thị Văn Khê) nợ 16,4 tỷ đồng - 19 tháng; Đài Truyền hình kỹ thuật số VTC nợ 12,9 tỷ đồng - 15 tháng; Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 4 (Tòa nhà ICON 4 - 243A Đê La Thành) nợ 6,8 tỷ đồng; Công ty CP Xây dựng FLC FAROS (Tòa nhà FLC Lanmark Tower, Nam Từ Liêm) nợ 6,7 tỷ đồng.■

KIM AN

Bệnh không lây nhiễm là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong

Tại Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ VIII năm 2019 với chủ đề “Quản lý các bệnh không lây nhiễm tại y tế cơ sở ở các nước Đông Nam Á” diễn ra mới đây, Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Trường Sơn cho biết: BKLN là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong trên toàn cầu, là một trong những thách thức chủ yếu trong thế kỷ 21. Trong năm 2016, BKLN gây ra 71% (41 triệu) trong tổng số 57 triệu tử vong trên toàn cầu. Các BKLN chính gây tử vong là bệnh tim mạch (chiếm 44% trong tổng số tử vong do BKLN và 31% tử vong toàn cầu); ung thư (chiếm 22% tổng số tử vong do BKLN, 16% tử vong toàn cầu); bệnh phổi mạn tính (chiếm 9% tổng số tử vong do BKLN, 7% tử vong toàn cầu) và đái tháo đường (chiếm 4% tử vong do BKLN và 3% tử vong toàn cầu).

Tại Việt Nam, BKLN cũng là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong. Cứ 10 người chết thì có gần 8 người chết do BKLN. Ước tính năm 2016, Việt Nam có 548.800 ca tử vong, trong đó, tử vong do BKLN chiếm 77%; có tới 44% số tử vong do BKLN là trước 70 tuổi.

Theo Thứ trưởng Bộ Y tế, toàn cầu hóa và đô thị hóa, sự thay đổi môi trường là những tác nhân làm tăng lối sống không lành mạnh, như: hút thuốc lá, lạm dụng uống rượu, bia, ăn uống không hợp lý, ít vận động thể lực và chính những yếu tố nguy cơ này làm phát triển các BKLN.

Làm rõ thêm thực trạng này, PGS,TS. Nguyễn Thị Xuyên - Chủ tịch Hội Y học Đông Nam Á, Chủ tịch Tổng hội Y học Việt Nam - cho biết, ước tính, trung bình mỗi năm nước ta có khoảng 12,5 triệu người bị tăng huyết áp; 3,5 triệu

Quản lý, phát hiện sớm bệnh không lây nhiễm từ y tế cơ sở

□ Bài và ảnh: NGUYỄN THÚY

Nhằm không chế và giảm gánh nặng bệnh tật do các bệnh không lây nhiễm (BKLN) gây nên, Việt Nam đang đẩy mạnh các chương trình, chính sách về kiểm soát căn bệnh này, trong đó chú trọng tăng cường năng lực y tế cơ sở trong phòng ngừa và phát hiện sớm các BKLN.



Cán bộ y tế kiểm tra đường huyết và tư vấn cho người dân cách phòng, chống bệnh đái tháo đường

người bị bệnh đái tháo đường; 2 triệu người mắc bệnh tim, phổi mạn tính và gần 126.000 ca mắc mới ung thư... Nguyên nhân của tình trạng này là do người dân chưa có ý thức phòng ngừa bệnh. Bên cạnh đó, người dân Việt Nam sử dụng muối cao gấp đôi so với khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) là 9,4 gram/ngày. Trong khi đó, tỷ lệ những người mắc bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường, nguy cơ tim mạch, ung thư, tâm thần được phát hiện sớm và quản lý điều trị còn thấp.

Phát huy vai trò của y tế cơ sở

Theo Thứ trưởng Nguyễn Trường Sơn, để không chế và đẩy lùi các BKLN, ngày 20/3/2015, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 376/QĐ-TTg “Phê duyệt chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2025. Với chỉ đạo mạnh mẽ của Đảng, Nhà nước, Bộ Y tế và các Bộ, ngành, cơ quan liên quan, Việt Nam đang trong tiến trình

thực hiện tốt Kế hoạch hành động toàn cầu về BKLN, đạt được 9 trong 19 chỉ số đánh giá tiến độ và năng lực đáp ứng quốc gia về phòng, chống BKLN. Cùng với đó, Chương trình Sức khỏe Việt Nam đã được công bố vào tháng 02/2019, trong đó, BKLN là một ưu tiên chính. Việt Nam cũng đang triển khai mạnh mẽ Đề án về tăng cường y tế cơ sở để đáp ứng với BKLN; trong đó, Bộ Y tế có Quyết định số 3756/QĐ-BYT về Hướng dẫn hoạt động dự phòng, chẩn đoán sớm, điều trị và

quản lý một số BKLN phổ biến cho y tế cơ sở.

Nghị quyết số 20-NQ/TW đặt mục tiêu đến năm 2025, phần đầu hơn 90% dân số được quản lý sức khỏe; 95% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số BKLN. Đến năm 2030, phần đầu hơn 95% dân số được quản lý sức khỏe; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số BKLN.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, Bộ Y tế đã và đang tiến hành sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan để phát huy vai trò bác sĩ đa khoa, bác sĩ gia đình trong thực hiện dự phòng, phát hiện sớm, chẩn đoán, điều trị, quản lý bệnh tăng huyết áp và đái tháo đường; sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp quy để bảo đảm những người mắc bệnh sẽ tiếp tục được tiếp cận các thuốc do cơ sở y tế tuyến trên kê đơn điều trị tại cơ sở tuyến huyện và trạm y tế xã. Đặc biệt, các chuyên gia y tế nhấn mạnh vai trò của y tế cơ sở và nhân viên y tế tuyến xã trong việc tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho người dân nhằm thay đổi lối sống và các hành vi nguy cơ. Đây là cách phòng ngừa các BKLN hiệu quả nhất. WHO khuyến cáo, 80% bệnh tim mạch giai đoạn đầu, đột quỵ và đái tháo đường tuýp 2 và trên 40% ung thư có thể phòng ngừa được thông qua ăn uống hợp lý, hoạt động thể lực đều đặn, không hút thuốc lá.■

Cùng với việc đẩy mạnh cơ chế tự chủ tại các cơ sở y tế công lập, Bộ Y tế đang từng bước thực hiện chuyển chi thường xuyên từ NSNN cho các cơ sở y tế sang hỗ trợ người dân tham gia bảo hiểm y tế, góp phần đẩy nhanh lộ trình bảo hiểm y tế (BHYT) toàn dân.

Nghị quyết số 68/2013/QH13 của Quốc hội đặt ra nhiệm vụ: Đến năm 2020, hoàn thành việc chuyển chi thường xuyên từ NSNN trực tiếp cho cơ sở khám, chữa bệnh sang hỗ trợ cho người dân tham gia BHYT gắn với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế.

Thực hiện chủ trương trên, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 16/2015/NĐ-CP trong đó có quy định lộ trình tính giá dịch vụ trong các đơn vị sự nghiệp công đến năm 2018 tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp và chi phí quản lý. Đến năm 2020, tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao. Chính phủ cũng chỉ đạo Bộ Y tế chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng và ban hành các thông tư quy định giá dịch vụ khám, chữa bệnh theo lộ trình để thực hiện mục tiêu Quốc hội đặt ra.

Đến nay, giá dịch vụ khám, chữa bệnh đã bao gồm chi phí trực tiếp và tiền lương theo mức lương cơ sở. Theo lộ trình, sẽ tính chi phí quản lý vào giá dịch vụ vào cuối năm 2019 hoặc đầu năm 2020; mức giá có khấu hao dự kiến thực

Tăng cường hỗ trợ người dân tham gia bảo hiểm y tế từ nguồn ngân sách nhà nước

hiện vào cuối năm 2020 hoặc đầu năm 2021.

Theo Bộ y tế, việc tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ chuyển chi thường xuyên từ NSNN cấp cho cơ sở y tế sang hỗ trợ người dân tham gia BHYT. Trong năm 2018, đã sử dụng khoảng 31.140 tỷ đồng, năm 2019 sử dụng khoảng 32.300 tỷ đồng chi sự nghiệp y tế (chiếm khoảng 35%) để hỗ trợ người nghèo, các đối tượng chính sách tham gia BHYT, góp phần đạt tỷ lệ 89,6% dân số tham gia BHYT vào tháng 8/2019 - về đích trước 4 năm so với mục tiêu Quốc hội đặt ra (đến năm 2020, đạt ít nhất 80% dân số tham gia BHYT).

Cùng với đó, quyền lợi của người bệnh có thể BHYT được nâng lên rõ rệt vì không phải trả thêm hoặc tự mua một số thuốc, vật tư mà trước đây do giá thấp nên người bệnh phải tự mua hoặc phải trả thêm do Quỹ BHYT không thanh toán. Bộ Y tế cũng khuyến khích các bệnh viện tuyến dưới thực hiện các kỹ thuật mới được chuyển giao, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, từ đó nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại tuyến dưới và từng bước giảm quá tải cho tuyến trên.

Số lượng các đơn vị tự đảm bảo chi thường

xuyên trong ngành y tế ngày càng tăng, các đơn vị do ngân sách đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên giảm. Tính đến năm 2018, cả nước có khoảng 240 đơn vị đã tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên, chiếm 11,7% tổng số đơn vị sự nghiệp (năm 2017 có 109 đơn vị, chiếm 5,1% tổng số đơn vị). Đối với 1.250 đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên mức tự chủ cũng rất cao, nhiều đơn vị đã tự chủ được từ 80 - 90% nguồn tài chính. Liên quan đến việc đưa chi phí tiền lương vào giá, các địa phương đã thực hiện giảm cấp chi lương từ nguồn NSNN cho các cơ sở y tế. Số liệu thống kê chưa đầy đủ của 55 tỉnh/thành phố cho thấy, năm 2018 ngân sách giảm cấp của các bệnh viện so với năm 2015 (khi chưa điều chỉnh giá có tiền lương) là khoảng 8.974, 3 tỷ đồng; từng bước thực hiện chủ trương chuyển ngân sách cấp trực tiếp cho các bệnh viện sang hỗ trợ người dân tham gia BHYT. Việc điều chỉnh giá cũng góp phần đảm bảo nguồn thu cho các cơ sở y tế; các bệnh viện có nguồn kinh phí để triển khai, phát triển các kỹ thuật y tế và trả lương, thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.■

Đ. KHOA

Ứng dụng can thiệp mạch 4D thế hệ mới trong điều trị

Bệnh viện Đại học Y Hà Nội vừa đưa vào sử dụng khu chụp và can thiệp mạch với hệ thống máy DSA thế hệ mới nhất. Đây là hệ thống máy chụp mạch số hóa xóa nền hiện đại với nhiều tính năng giúp nâng cao hơn nữa chất lượng khám, chữa bệnh như: độ phân giải hình ảnh HDR cao gấp 4 lần so với máy thông thường, có rất nhiều chức năng phục vụ cho các trường hợp can thiệp tim mạch phức tạp. Hệ thống có phần mềm chống di lệch hình ảnh khi bệnh nhân cử động; đồng thời, tích hợp cắt lớp vi tính dựng hình mạch máu 3D, 4D và cắt lớp vi tính mô mềm, đồng bộ được với hình cắt vi lớp vi tính và cộng hưởng từ sẵn có của bệnh nhân. Hệ thống cũng giúp quản lý và giám liều chiếu tia cho bệnh nhân và cả bác sĩ.■

N. KIM